

Đi tìm gốc tích địa danh “Dran”

Nguyễn Tấn Đại*

Mục lục & phiên bản trực tuyến:

• Kỳ 1 - Dran và bác sĩ Yersin: nguyentandai.vn/dia-danh-dran-1	1
• Kỳ 2 - Dran trong các văn bản giấy tờ tiếng Pháp: nguyentandai.vn/dia-danh-dran-2	4
• Kỳ 3 - Dran trong các giấy tờ văn bản tiếng Việt: nguyentandai.vn/dia-danh-dran-3	8
• Kỳ cuối - Tạm kết: nguyentandai.vn/dia-danh-dran-4	13
◦ Ngôn ngữ bản địa của người Thượng, tiếng Pháp và tiếng Việt	13
◦ Những thay đổi địa danh hành chính tại cao nguyên Lang Bian	14
◦ Niên biểu diễn biến xuất hiện và thay đổi địa danh “Dran”	17
◦ Thay lời kết: Lựa chọn cách viết nào?	23

Trong quyển “Chuyện xứ Dran xưa” của thầy Lâm Trung Châu (NXB Văn hoá – Văn nghệ TP. HCM & Phương Nam Book, 2020), có bài “Đâu phải Dran bé tí teo” (trang 12-19) nói đến chuyện ranh giới xứ Dran kéo dài phía bắc từ Trại Bò (*Bosquet*), Cầu Đất (*Entre-Rays*), Trại Hành (*Arbre Broyé*), qua hướng đông xuống đến dốc Cây Khô (*Arbre Sec*), vòng về phương nam đến tận cầu Đại Ninh mới dừng lại. Mẩu chuyện nho nhỏ này đã từng dấy lên một cuộc tranh luận, bởi ít ai tin cái địa danh “**thị trấn Đ’ran**” ngày nay lại một thời rộng lớn đến vậy. Không chỉ thế, còn có không ít người tranh luận không ngừng về việc tên gọi Dran có dấu phẩy hay không, hay là chữ D có gạch ngang hay không. Thôi thì ở đây ta hãy cùng nhau lần về quá khứ, để tìm hiểu ngọn nguồn gốc tích tên gọi của xứ sở Dran thân thương vậy.

Dran và bác sĩ Yersin

Khởi thủy, trước khi người Pháp xâm chiếm Việt Nam, vùng cao nguyên phía tây Trung Kỳ vẫn là một miền đất rừng rú hiểm trở ít được triều đình quan tâm đến. Sau khi người Pháp biến Nam Kỳ thành thuộc địa (*Cochinchine française*) năm 1862, đến Hoà ước Giáp Thân 1884 thì cả hai xứ Bắc Kỳ và Trung Kỳ cũng được đặt dưới chế độ bảo hộ của nước Pháp (*protectorat française*). Các nhà thám hiểm và các phái đoàn khảo sát người Pháp lui tới khu vực này ngày càng nhiều. Các ghi chép tỉ mỉ và bản đồ đo vẽ cẩn thận của họ đã dần dần làm bộc lộ ra vẻ đẹp hoang sơ của xứ sở rừng núi vốn còn đầy bí hiểm với người Việt. Trong số đó, bác sĩ Paul Neis và trung úy Albert Septans là những người đầu tiên khám phá ra cao nguyên Lang Bian vào năm 1881, trong một chuyến thám hiểm ngược dòng sông Đồng Nai lên đến tận đầu nguồn¹. Lộ trình này đi từ đầu nguồn sông La Ngà lần ngược thượng lưu sông Đồng Nai theo nhánh sông Đa Dâng ở hướng tây.

Riêng hướng đông thượng nguồn sông Đồng Nai, phải đến 12 năm sau bác sĩ Alexandre Yersin mới là người khám phá ra, trong chuyến thám hiểm kéo dài bảy tháng năm 1893, như ông đã viết trong hồi kí “Bảy tháng ở xứ người Thượng”². Trong hành trình dài này, ông đã khởi hành từ Sài Gòn đến Phan Thiết qua ngã Tánh Linh, rồi từ Phan Thiết đến Phan Rí để ra Nha Trang theo đường bộ, xử lí công việc trước khi trở lại Phan Rí tiếp tục cuộc thám hiểm. Từ Phan Rí ông quay ngược về Tánh Linh, khám phá nhiều buôn làng người Thượng trong vùng. Ở chặng thứ ba, ông quyết định từ Tánh Linh đến Phan Rang theo một con đường khác với lộ trình đã đi qua. Chính quyết định này đã dẫn ông đi vòng qua phía bắc Núi Ông, lần ngược lên hướng núi *Tadoum* (Tà Đùng)³, trèo lên gần tới đỉnh giữa mây mù và mưa rơi tầm tã, ngủ một đêm lạnh cóng ở độ cao gần 2.000 mét.

* Viết lần đầu 09/2024, chỉnh sửa bổ sung 03/2026.

¹ Mai Thái Lĩnh, Nguyễn Hữu Tranh, & Trương Ngọc Xán. (1993). [Bác sĩ Alexandre Yersin và sự hình thành đô thị Đà Lạt](http://lamdong.gov.vn/sites/book/caonguyen/YERSIN.HTM). Trong: Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Lạt, *Đà Lạt: Thành phố cao nguyên*. NXB Tổng hợp TP. HCM. <https://lamdong.gov.vn/sites/book/caonguyen/YERSIN.HTM>

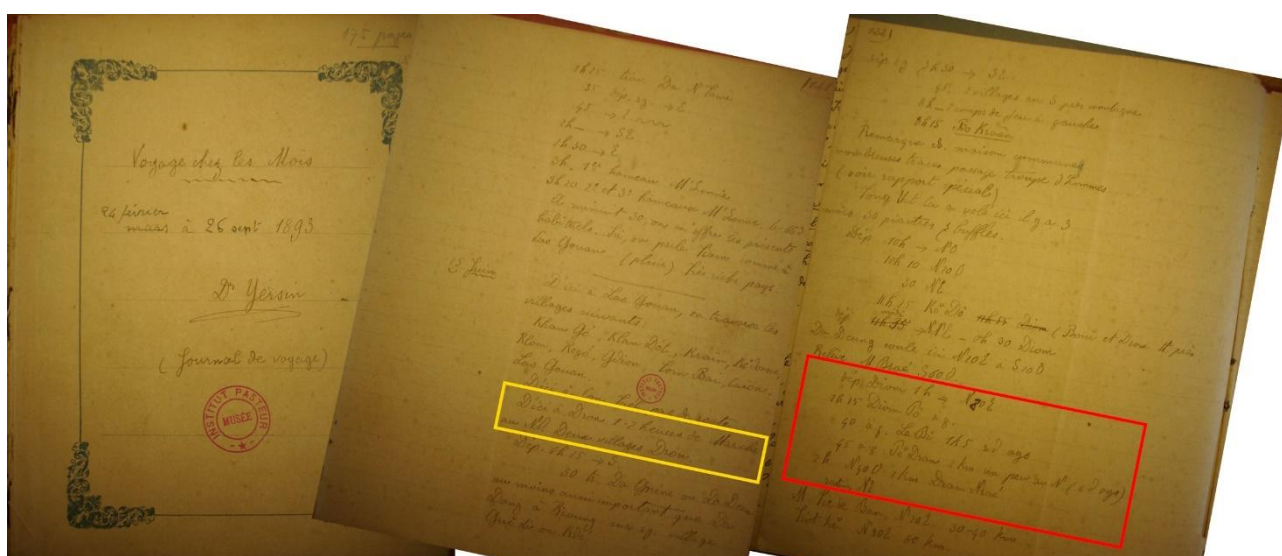
² Yersin, A. J. E. (1935). [Sept mois chez les Moïs](http://lamdong.gov.vn/sites/book/caonguyen/YERSIN.HTM). In: *Variétés sur les pays Moïs* (pp. 166-205). Le Gouvernement de la Cochinchine.

³ Quy ước cách ghi địa danh và nhân danh trong bài này: viết in nghiêng khi dùng tên đúng theo nguồn trích dẫn; viết thường khi dùng tên phổ biến hiện nay, nếu cần nhấn mạnh cách viết (đúng từng kí tự) thì đặt trong ngoặc kép.



Bản đồ Đông Dương năm 1886 với khu vực cao nguyên Lang Bian mới được khám phá ở hướng tây thượng lưu sông Đồng Nai. [Nguồn: [Bô sưu tập Gallica](#), Thư viện Quốc gia Pháp]

Hôm sau xuống núi, Yersin lại tiếp tục hành trình ngược dòng Đa Dâng đến làng *Rioun* và nghỉ lại. Từ đây ông bỏ lại tuý tùng, một mình dong ruổi về hướng bắc vì theo định vị chỉ còn hai ngày đường là tới. Sáng ngày 21/06, ông khởi hành từ rất sớm, đi qua các làng *Kènèrio* và *Klon*, hai lần vượt sông *Da N'Tâm* (Đa Tam), vượt làng *Brenne* (Prenn), trèo lên núi cao và choáng ngợp trước quang cảnh mở ra trước mắt của một “cao nguyên lớn trơ trụi nhấp nhô gò đồi”, vào lúc 3 giờ 30 phút chiều⁴. Sau một ngày thăm và khám phá các buôn làng người *M'Lates* (Lát), ông quyết định trở xuống nhưng chuyển về hướng đông để đến Phan Rang. Trong sổ tay hành trình nhật kí của mình (tlvd.), các trang số 121-123, bác sĩ Yersin đã ghi chú đến làng *M'Lonne* (M'Lộn)⁵ lúc 3 giờ chiều ngày 24/06, nghỉ đêm tại đây, qua ngày 25/06 vượt sông *Da Gnine* (Đa Nhim) lúc 6 giờ 50 phút sáng, đến làng *Bô Kraan*⁶ lúc 8 giờ 15, đến *Kê Đô* (Ka Đô) lúc 11 giờ 25, dừng nghỉ trưa tại *Diom* trước khi tiếp tục hành trình qua gần *Dran* khoảng 2 giờ chiều để xuống núi, đến *La Klot* lúc 4 giờ chiều, *Dagnepen* lúc 5 giờ 45, *P'Hô* lúc 9 giờ tối và *P'Hô Tân Ngam* (Tâm Ngan) lúc 10 giờ tối.



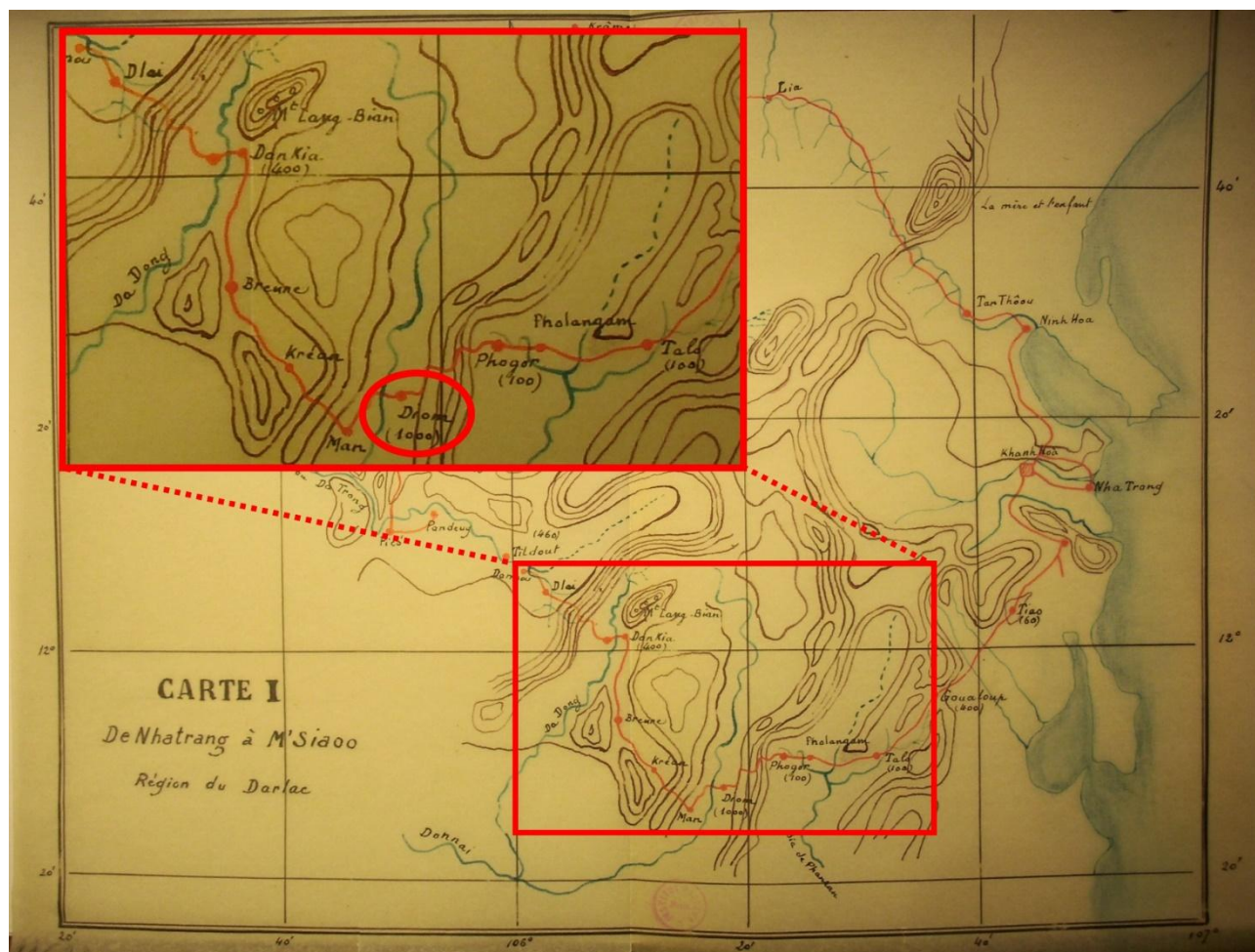
Nhật kí hành trình của bác sĩ Yersin có ghi chú thời điểm đi qua các địa danh “M'Lonne”, “Dron”, “Bô Kraan”, “Kê Đô”, “Diom”, “Dran”... [Nguồn: Yersin, 1893]

⁴ Yersin, A. J. E. (1893). *Voyage chez les Moïs 24 février à 24 sept 1893: Journal de voyage*. (pp. 116-117)

⁵ Ông ghi chú: “Từ đây [M'Lonne] đến Dron 1-2 giờ đi bộ theo hướng tây bắc”. Liệu Dron có phải là địa danh Đa Ròn hiện nay hay không?

⁶ Liệu Bô Kraan có phải là địa danh [K Răng Chơ](#) thuộc xã Ka Đơn hiện nay?

Thực ra, đoạn đường từ *Bô Kraan* đến *P'Hô Tân Ngam* hôm đó chính là một cuộc rượt đuổi của Yersin cùng ba tùy tùng người Việt, truy lùng một băng cướp đông đảo có vũ trang do một thủ lĩnh tên *Thouk* cầm đầu. Chuyện này được kể lại trong các hồi kí về chuyến thám hiểm ấy đăng trên báo chí năm 1895⁷. Đáng tiếc là, các bài báo này chỉ nhắc đến một số địa danh chính như *M'Lonne* (hay *M'Lône*), *Bô Kraan*, *Diom* mà lại bỏ qua *Dran*. Cả trong các bản đồ vẽ kèm theo các báo cáo thám hiểm của mình, Yersin cũng chỉ đánh dấu *Diom* chứ không phải *Dran*. Có lẽ, chính vì trong hành trình của mình, bác sĩ Yersin chỉ thực sự dừng chân ở *M'Lonne* (để nghỉ đêm), *Bô Kraan* (nơi phát hiện dấu vết băng cướp), và *Diom* (ngủ trưa). Trong khi đó, con đường truy lùng băng cướp lại men theo phía nam sông Đa Nhím, thẳng hướng đông về Phan Rang. Thật vậy, trang số 122 nhật kí hành trình của ông có ghi chú: “1h45 - bên trái - Pè Dran 2 km hơi chéch về hướng bắc”.



Bản đồ kèm theo bản báo cáo chuyến thám hiểm từ Nha Trang đến Đà Nẵng năm 1894 chỉ ghi địa danh “Diom” so với “Lang-Bian” mà không có “Dran”. [Nguồn: Yersin, 1894⁸]

Quả thực, trong các tài liệu do bác sĩ Yersin công bố rộng rãi, địa danh “Dran” chỉ xuất hiện chính thức kể từ năm 1927 khi ông viết báo cáo về quá trình thử nghiệm trồng cây canhkina ở Đông Dương⁹. Theo đó, sau nhiều năm thử nghiệm trồng canhkina ở núi Hòn Bà (Khánh Hoà) không thành công, ông nhớ tới vùng đất Dran nên đã quay lại vào năm 1923 để lấy mẫu đất trên một ngọn đồi “cao hơn một trăm mét”, đem về phân tích rồi quyết định mang vài trăm gốc canhkina từ Hòn Bà lên trồng thử tại đây. Ngay cả với cuộc truy đuổi băng cướp của *Thouk*, đến lần kể về sau năm 1942 ông mới nhắc

⁷ Jolly, R. (1895/07/07). [Le docteur Yersin chez les moïs: VII](#). *Journal des voyages et des aventures de terre & de mer*, 939, 55.

⁸ Dẫn theo Tessier, O., & Bourdeaux, P. (2020). *Đà Lạt – Bản đồ sáng lập thành phố* (Vũ Thị Mai Anh, Trần Thị Lan Anh, Nguyễn Hồng Minh, dịch). NXB Tổng hợp TP. HCM. Tr. 24.

⁹ Yersin, A. J. E. (1927). [Essais sur l'acclimatation du Quinquina en Indochine](#). *Journal d'agriculture traditionnelle et de botanique appliquée*, 7(68), 250-254.

tới Dran¹⁰. Thế nhưng trước đó, nhiều văn bản giấy tờ khác do người Pháp ban hành đã có ghi nhận địa danh này với đúng cách ghi như trong sổ tay nhật kí hành trình của bác sĩ Yersin. Thật trớ trêu, ông là người đầu tiên để lại dấu vết thành văn địa danh “Dran” từ năm 1893, nhưng lại không phải là người đầu tiên công bố.

Dran trong các văn bản giấy tờ tiếng Pháp

Sau cuộc khám phá cao nguyên Lang Bian của bác sĩ Yersin, người Pháp tiếp tục gửi nhiều đoàn thám hiểm đến khu vực này, đặc biệt khi toàn quyền Doumer có ý định xây dựng một khu nghỉ dưỡng cho người Pháp ở Đông Dương trong giai đoạn 1897-1902. Trong số đó, có cả chuyến thị sát của chính Doumer trong khoảng tháng 02-03/1899, cùng với một sĩ quan tháp tùng tên Langlois và bác sĩ Yersin, được ông kể lại năm 1942¹¹. Khởi hành từ Phan Rang, Doumer phi ngựa nước đại bằng băng đi trước, đến *Dong-Me* (Đồng Mè) nghỉ lại ăn trưa xong tức tốc đi tiếp đến *Krong Pha* (Sông Pha) khi trời vừa sập tối. Trong khi đó, mãi đến tận khuya đoàn xe ngựa chờ hành lí mới theo kịp đến nơi.

Sáng sớm hôm sau, cả đoàn lội bộ dắt ngựa trèo núi. Trong bài hồi kí này, ông viết: “*Chúng tôi đã lên đến Bellevue [Eo Gió] và Dran vào khoảng mười giờ. Thời bấy giờ, chưa có người An Nam nào lên sống trên cao nguyên và Dran chỉ có mỗi một làng người Thượng tồ tàn, nơi toàn bộ cư dân đều bị nhiễm sốt rét. Tranh thủ tắm lúc vượt sông, sau đó ăn trưa chớp nhoáng và lên đường tiếp tục chặng cuối.*” Cả đoàn tiếp tục hướng về cao nguyên Lang Bian qua ngã *Arbre-Broyé* (Trạm Hành). Sau khi ở lại một ngày để khảo sát khu vực *Dankia* và các điều kiện xây dựng thành phố nghỉ dưỡng, bao gồm cả một tuyến đường sắt từ Sài Gòn vượt núi lên Đà Lạt rồi vòng xuống Quy Nhơn¹², cả đoàn quay ngược xuống Phan Rang theo đúng lộ trình lượt đi, trừ viên công sứ Nha Trang được cho ở lại vì quá mệt sau cuộc trèo núi vất vả.

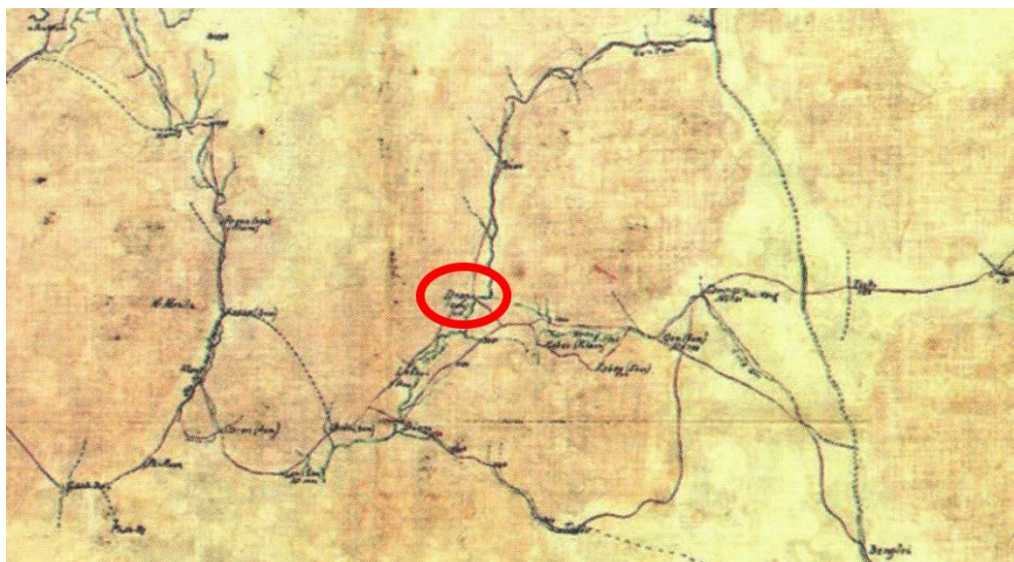
Có lẽ chính chuyến đi này, với chặng dừng nghỉ ngơi bên bờ sông tại Dran, đã giúp địa danh này xuất hiện trong các kế hoạch xây dựng đường bộ và đường sắt mà Doumer cho triển khai quyết liệt trong những năm 1899-1900, nhằm kết nối giao thông phục vụ phát triển thành phố Đà Lạt. Theo phần báo cáo y tế của bác sĩ Étienne Tardif, một thành viên của phái đoàn Guynet được cử lên nghiên cứu Lang Bian từ năm 1899 đến năm 1900, đoạn đường từ Phan Rang đến Đà Lạt lúc bấy giờ có các điểm dừng trung gian tại: *Mai-nuong* (Mai Nương), *Dongmé* (Đồng Mè), *Balach* (Ba Lách), *Somtangam* (Tầm Ngàn), *Daban* (Đá Bàn) và *Dran*¹³. Cũng theo báo cáo năm 1890 của ông, thời ấy để lên cao nguyên Lang Bian có ba lộ trình: thứ nhất, từ Sài Gòn qua Biên Hoà, Tánh Linh, Di Linh, rồi đến Dran để lên Đà Lạt theo lối mòn cheo leo (*sentier mulier*) do đại úy Guynet mở; thứ hai, theo dọc biển xứ Trung Kỳ đi từ Phan Thiết tới Tánh Linh rồi đi tiếp lộ trình thứ nhất; thứ ba, đi từ bờ biển Ninh Chữ tới Phan Rang, sau đó qua Mai Nương, Ba Lách, Xóm Gòn và Dran (tlvd., tr. 158-159). Như thế, có thể thấy địa danh “Dran” đã thực sự đi vào các văn bản và bản đồ do người Pháp công bố trong những năm 1898-1900, với vai trò là một cửa ngõ quan trọng ở khu vực tiếp giáp giữa vùng đồng bằng và cao nguyên Lang Bian. Trong đó, đáng kể nhất là bản đồ của đại úy Thouard (1898) và của Guillaume Capus (1900).

¹⁰ Institut Pasteur de Dalat (1956). Rencontre avec les pirates sur le plateau moi. In: *Explorations et souvenirs du Docteur Yersin* (pp. 36-41).

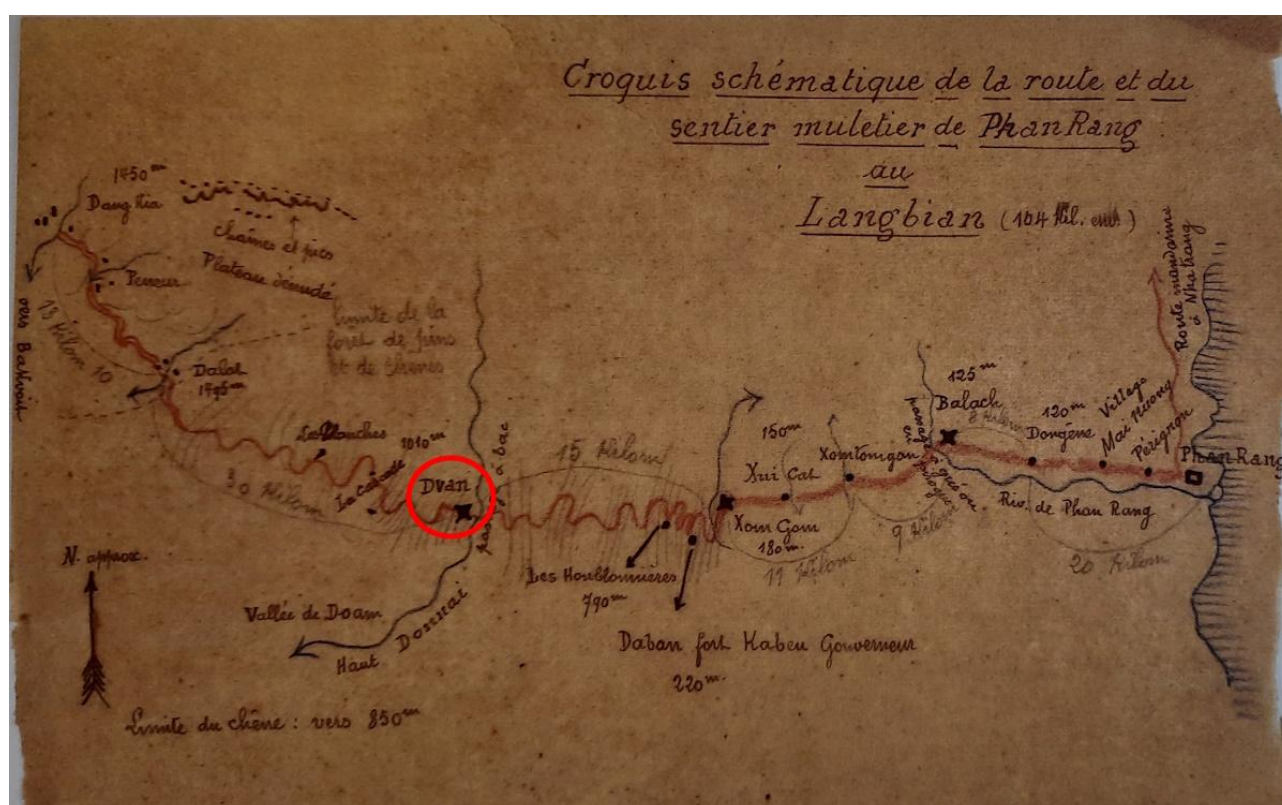
¹¹ Institut Pasteur de Dalat (1956). Premières reconnaissances du plateau du Lang-Bian. In: *Explorations et souvenirs du Docteur Yersin* (pp. 42-48).

¹² Ý tưởng này về sau bị bỏ dở do không khả thi.

¹³ Tardif, É. (1949). In: [La naissance de Dalat \(Annam\) 1899-1900 : Capitale de l'Indochine 1946](#) (p. 66). Ternet-Martin.



Sơ đồ tập hợp các lộ trình thám hiểm của đại úy Thouard năm 1898 có ghi địa danh “Dran”.
[Nguồn: theo Tessier & Bourdeaux, 2020, tldd., tr. 36]

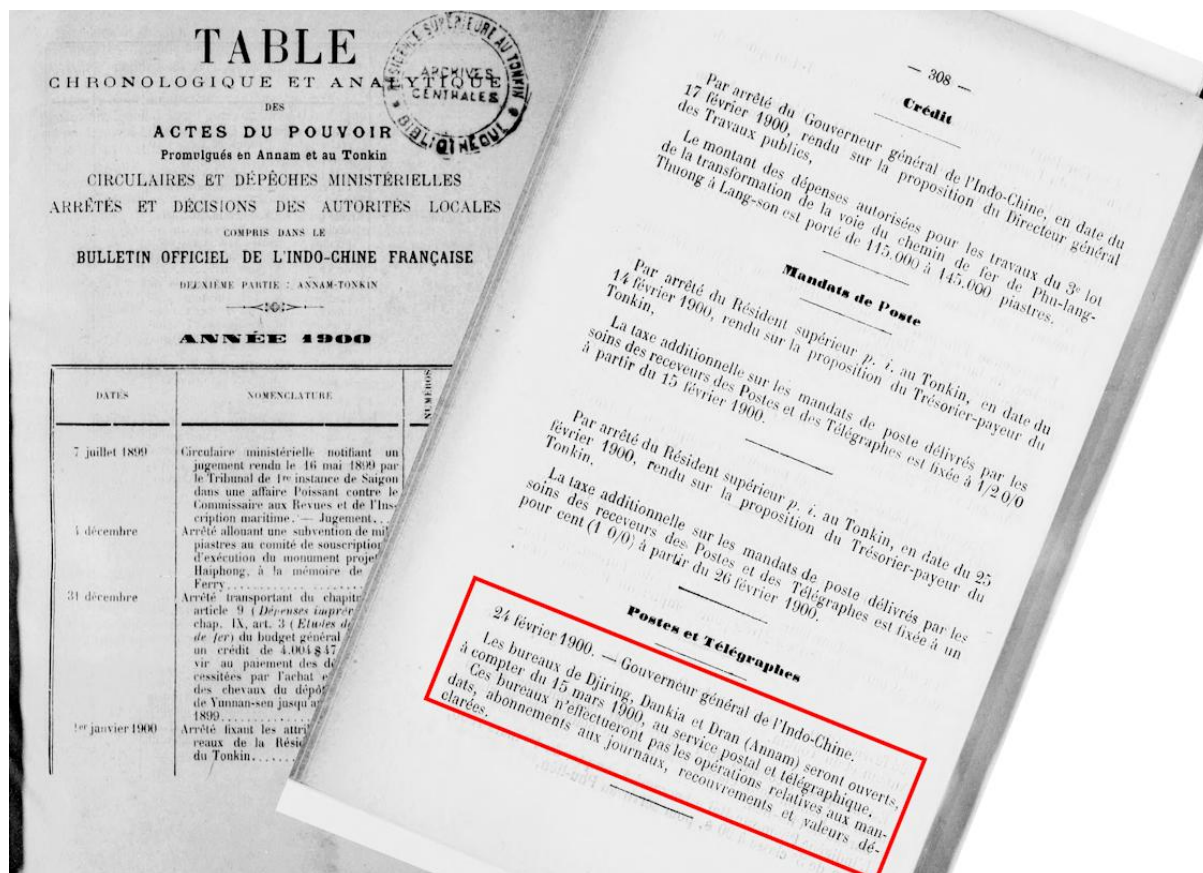


Kỉ họa sơ đồ đường lộ và lối mòn cheo leo từ Phan Rang đến Langbian của Guillaume Capus năm 1900 có ghi địa danh “Dran”. [Nguồn: theo Tessier & Bourdeaux, 2020, tldd., tr. 35]

Chính các khám phá liên tục một vùng đất mới trong những năm đầu cầm quyền của Doumer đã dẫn tới việc ông ban hành quyết định số 911 ngày 01/11/1899 về việc thành lập tỉnh *Haut-Donnai* (Đồng Nai Thượng) và đặt hai trạm hành chính ở *Tan-linh* (Tánh Linh) và *Djiring* (Di Linh), nơi đóng luôn vai trò tỉnh lỵ¹⁴. Vài tháng sau, ngày 24/02/1900 ông tiếp tục ra quyết định lập trạm bưu điện *Dran* (cùng với hai trạm *Djiring* và *Dankia*), bắt đầu phục vụ từ ngày 15/03/1900. Lực lượng nhân sự sau đó cũng lần lượt được bổ nhiệm, bao gồm: *Nguyên-quang-Lâm*, *Nguyên-van-Phuc* (cả hai đều từ

¹⁴ [Arrêté N° 911 du 1^{er} novembre 1899](#) portant création de la province du Haut-Donnai et de deux postes administratifs à Tân-linh et sur le plateau du Lang-Bian (Annam).

ngày 11/03/1900), *Dang-van-Quyên* và *Trân-luong-Ngoc* (cả hai từ ngày 01/04/1900)¹⁵. Không chỉ vậy, một trạm hành chính khác cũng được mở tại *Dran* năm 1909, với một viên quan tri huyện tên là *Ya Gut*, chủ yếu chịu trách nhiệm tổ chức lao dịch phục vụ xây dựng đường xá và vận chuyển hàng hoá; phần nổi cả trăm gia đình sống trong một ngôi làng gần trạm bưu điện *Dran* đã tìm cách di dời về những khu vực xa hơn trên núi cao để trốn tránh lao dịch¹⁶. Tất cả các dữ liệu trên là minh chứng cho thấy vì sao *Dran* đã sớm xuất hiện trên [bản đồ mạng lưới bưu chính và điện báo](#) của toàn khu vực Đông Dương ngay từ đầu thế kỉ XX, cùng với *Di Linh* và *Đà Lạt* là ba đầu mối chính của tỉnh *Đồng Nai Thượng*.



*Ảnh chụp trang tóm tắt quyết định thành lập trạm bưu điện *Dran* ngày 24/02/1900 của Toàn quyền Đông Dương. [Nguồn: [Bô sưu tập Gallica](#), Thư viện Quốc gia Pháp]*

Thế nhưng, có thể vì là vùng đất mới nên ranh giới cương thổ tỉnh *Đồng Nai Thượng* chưa thực sự ổn định. Năm 1902, Doumer kết thúc nhiệm kì cầm quyền của mình mà vẫn còn đau đầu tâm huyết dành cho kế hoạch mở tuyến đường sắt Sài Gòn-Khánh Hoà, với một nhánh rẽ từ Phan Rang qua Đá Bàn, lên *Dran* tới *Đà Lạt*¹⁷. Nhưng chỉ qua năm sau, người kế nhiệm ông đã xoá bỏ tỉnh *Đồng Nai Thượng* non trẻ để nhập vào tỉnh *Bình Thuận*, còn *Đà Lạt* được nhập vào *Ninh Thuận*¹⁸. Đến năm 1916 thì tỉnh *Lang-Bian* cùng với trung tâm đô thị *Đà Lạt* được thành lập chủ yếu từ các khu vực thuộc tỉnh *Đồng Nai Thượng* cũ¹⁹, hẳn nhiên trong đó có cả *Dran*. Vài năm sau nữa, trên cơ sở một chiếu dụ của triều đình ngày 11/10/1920, toàn quyền đương thời là Maurice Long đã kí quyết định số 6161 ngày 31/10/1920²⁰ thành lập thị xã *Đà Lạt*, chia thành hai vùng nội ô và ngoại ô, đồng thời tách

¹⁵ Gouverneur générale de l'Indochine. (1900). [Bulletin officiel de l'Indo-Chine Française](#) (pp. 308, 567-568).

¹⁶ Hickey, G. C. (1982). *Sons of the mountains: Ethnohistory of the Vietnamese central highlands to 1954* (pp. 314-315). Yale University Press.

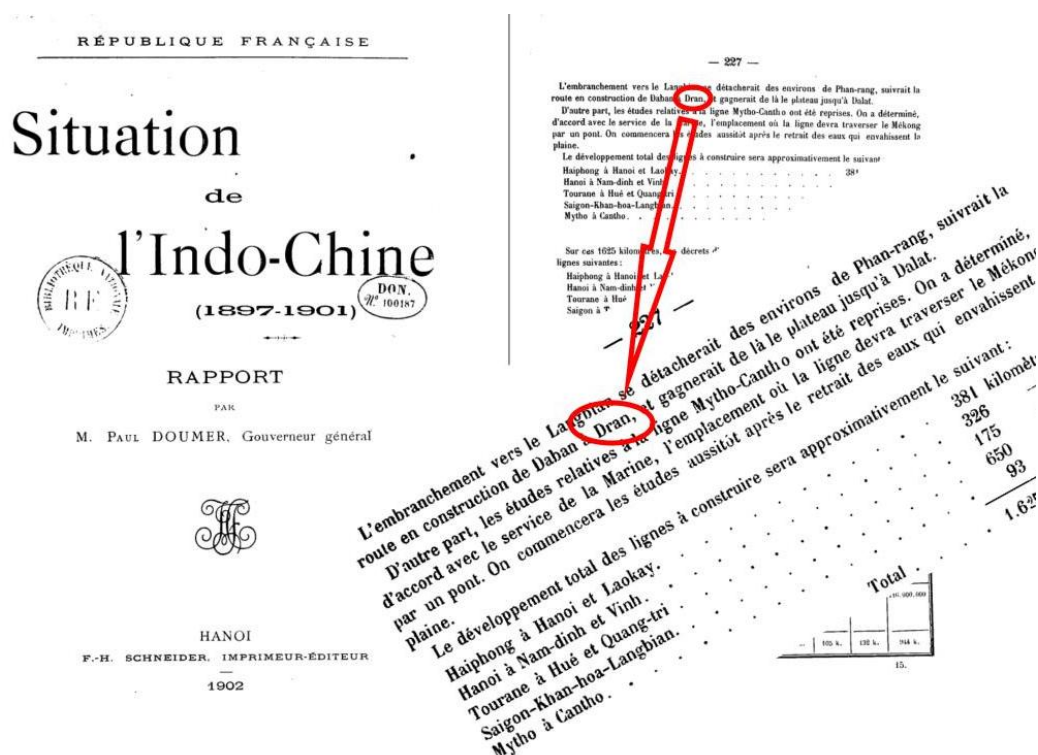
¹⁷ Doumer, P. (1902). [Situation de l'Indochine française \(1897-1901\)](#) (p. 227) [Rapport au Conseil supérieur de l'Indochine (Session extraordinaire de février 1902)].

¹⁸ Déry, S. (1999). [La colonisation agricole au Vietnam](#) (p. 270) [Thèse pour l'obtention du grade de *Philosophiae Doctor* (Ph.D.)]. Université Laval.

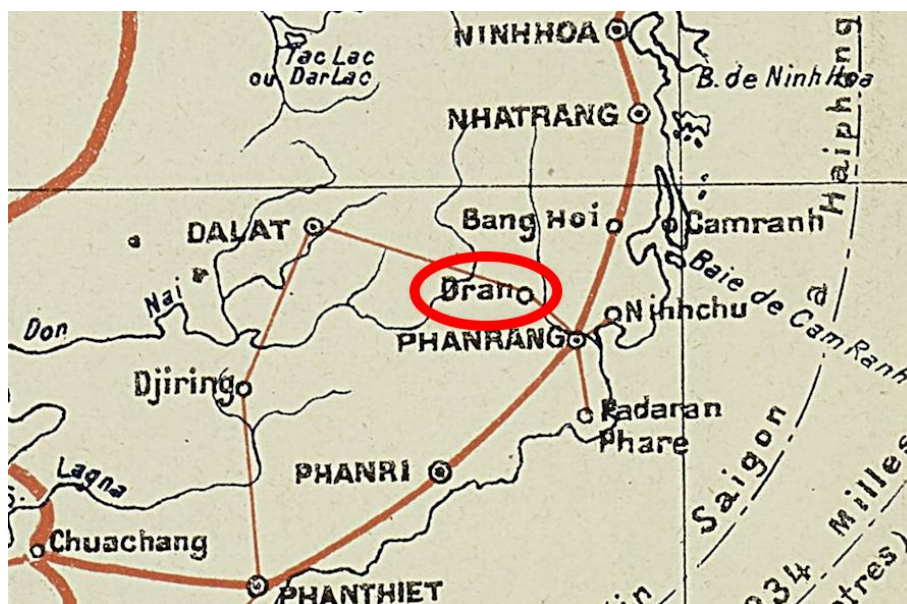
¹⁹ Nguyễn Hữu Tranh. (1998). [Tìm hiểu địa danh và địa giới hành chính tỉnh Lâm Đồng](#). *Thông tin Khoa học & Công nghệ* [Sở KHCN&MT Lâm Đồng], số 2.

²⁰ [Arrêté N° 206 du 8 janvier 1941](#) portant création en Annam une nouvelle province dénommée « Province du Lang-

phần đất còn lại của tỉnh *Lang-Bian* đặt theo tên cũ là tỉnh Đồng Nai Thượng²¹. Tỉnh Đồng Nai Thượng mới tái lập này bao gồm ba quận *Djiring*, *Blao* (Bảo Lộc) và *Dran*²². Các đơn vị hành chính này duy trì tương đối ổn định trên dưới 20 năm, cho đến khi toàn quyền Jean Decoux ký liên tiếp [hai quyết định số 206 và 207 ngày 08/01/1941](#) thành lập tỉnh *Lang-Bian* bằng cách sáp nhập thị xã Đà Lạt với vùng ngoại ô và khu vực Dankia trước đây, và giảm phân diện tích tương ứng của tỉnh Đồng Nai Thượng.



Ảnh chụp bản báo cáo “Tình hình xứ Đông Pháp (1897-1902)” với đoạn trích đề cập đến địa danh “Dran”.
[Nguồn: Doumer, 1902]



Bản đồ mạng lưới bưu chính và điện báo Đông Dương năm 1914 có ghi tên trạm Dran.
[Nguồn: theo Brenier, 1914, tr. 118-119²³]

Bian » dont le chef-lieu est fixé à Dalat.

²¹ Nguyễn Hữu Tranh, 1998, tldd.

²² Déry, 1999, tldd.

²³ Brenier, H. (1914). [Essai d'Atlas statistique de l'Indochine française: Indochine physique, population.](#)

Cùng với sự phát triển của thành phố Đà Lạt suốt nửa đầu thế kỉ XX, các tài liệu, sách vở, báo chí tiếng Pháp vẫn thường nhắc đến địa danh “Dran” khi có thông tin, sự kiện liên quan. Như lễ khánh thành chặng đường sắt răng cưa từ Sông Pha đến Eo Gió ngày 19/01/1927²⁴, rồi chặng Dran-Trạm Hành hoàn thành vào tháng 09/1928²⁵. Hay chuyến công cán của khâm sứ Trung Kỳ Maurice Fernand Graffeuil dự một loạt ba lễ khánh thành: cầu đường bộ Dran có thu phí (sáng ngày 23/11/1938), ga Đà Lạt (chiều cùng ngày) và cầu Sông Pha (hai ngày sau đó)²⁶.

Sau năm 1945, chế độ quản lí của người Pháp đối với các đơn vị hành chính tại Việt Nam chấm dứt. Việc điều chỉnh tên gọi và ranh giới của các địa danh hành chính trong cả nước nói chung, tại cao nguyên Lang Bian nói riêng, từ đó được chuyển về các chính quyền do người Việt đứng đầu, sử dụng tiếng Việt ghi bằng chữ quốc ngữ. Các tên gọi trước đó vẫn dùng cách viết theo tiếng Pháp dần dần cũng thay đổi theo.

Dran trong các giấy tờ văn bản tiếng Việt

Các dấu vết lịch sử để lại cho thấy trong tiếng Pháp người ta đã nhất quán ghi địa danh “Dran” mà không có dấu phẩy. Đây không phải là một sự tình cờ ngẫu nhiên, bởi cả trong sổ tay nhật kí hành trình của bác sĩ Yersin lẫn các báo cáo, bản đồ công bố về sau, dấu phẩy vẫn được dùng cho nhiều tên riêng bản địa khác, cũng nhất quán không kém. Trong đó nhiều tên đã được nhắc đến trong các phần trước: *Da N'Tâm*, *M'Lonne* hay *M'Loné*, *M'Lates*, *P'Hô*. Hiện chưa tìm thấy bất cứ tài liệu nào có lời giải thích vì sao các nhà thám hiểm và khảo sát người Pháp chọn cách ghi nhân danh và địa danh bản địa có hay không có dấu phẩy. Nhưng có thể đưa ra một giả định là, khi các phụ âm kép có sẵn trong tiếng Pháp thì họ viết liền (như *Dran*, *Dron*, *Brenne*, *Kraan*, *Djiring*, *Blao*, v.v.), còn khi không có sẵn trong tiếng Pháp thì họ dùng dấu phẩy để phân biệt như đã dẫn ở trên.

Còn đối với người Việt ở miền đồng bằng đương thời, hầu hết các tên bản địa của người Thượng đều du nhập từ cách ghi bằng tiếng Pháp của người Pháp. Tài liệu được xem là dấu vết thành văn đầu tiên của người Việt viết về Đà Lạt là bài bút kí “Lâm Viên hành trình nhật ký” của Đoàn Đình Duyệt, đương thời là Thượng thư bộ Công, viết bằng chữ Hán đăng trên *Nam-Phong Tạp-chí* các số 9-10 ra tháng 03/1918 và tháng 04/1918²⁷. Trong bản dịch ra chữ quốc ngữ của Phạm Phú Thành, ta biết được thời ấy *Lang-Bian* được gọi là “Lâm Viên”, *Dalat* được đặt tên chữ Hán là “Đa Lạc”, còn suối *Kamly* (viết là *Kemli* trong sổ tay nhật kí hành trình của bác sĩ Yersin) thì mang một cái tên rất mỉa mai: “Cầm Lệ”. Rất tiếc là trong bài viết này ông chỉ nhắc đến Eo Gió mà không nói gì đến Dran.

Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Tranh, ngôi đình mang tên “Càn Rang” tại Dran được sắc phong nhân dịp lễ đăng quang của vua Duy Tân năm 1907²⁸. Nếu căn cứ vào mô tả của các tài liệu tiếng Pháp rằng Dran trong những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX còn rất hoang sơ với các làng người Thượng sống rải rác, và vào sự hiện diện của trạm bưu điện Dran từ năm 1900 cũng như một trạm hành chính năm 1909, liệu có thể xem “đình Càn Rang” chính là “đình Dran”, và “Càn Rang” là tên tiếng Việt của “Dran” hay không? Việc này không phải là không có căn cứ, bởi trong một bài báo của bác sĩ Yersin về việc thử nghiệm trong canhkinia tại Đông Dương, đăng song ngữ tiếng Pháp và tiếng Việt (quốc ngữ) trên nguyệt san *La Cochinchine agricole* (Nam Kỳ nông nghiệp) số tháng 05/1928, bản dịch của T. M. N. nhất quán ghi *Càng-Rang* ở phần tiếng Việt ứng với tên *Dran* ở phần tiếng Pháp²⁹.

administration, finances, agriculture, commerce, industrie (pp. 118-119). Gouvernement général de l'Indochine.

²⁴ *L'inauguration du chemin de fer à crémaillère de Krong-pha à Bellevue*. (1927/01/22). *L'Écho annamite*, 1, 3.

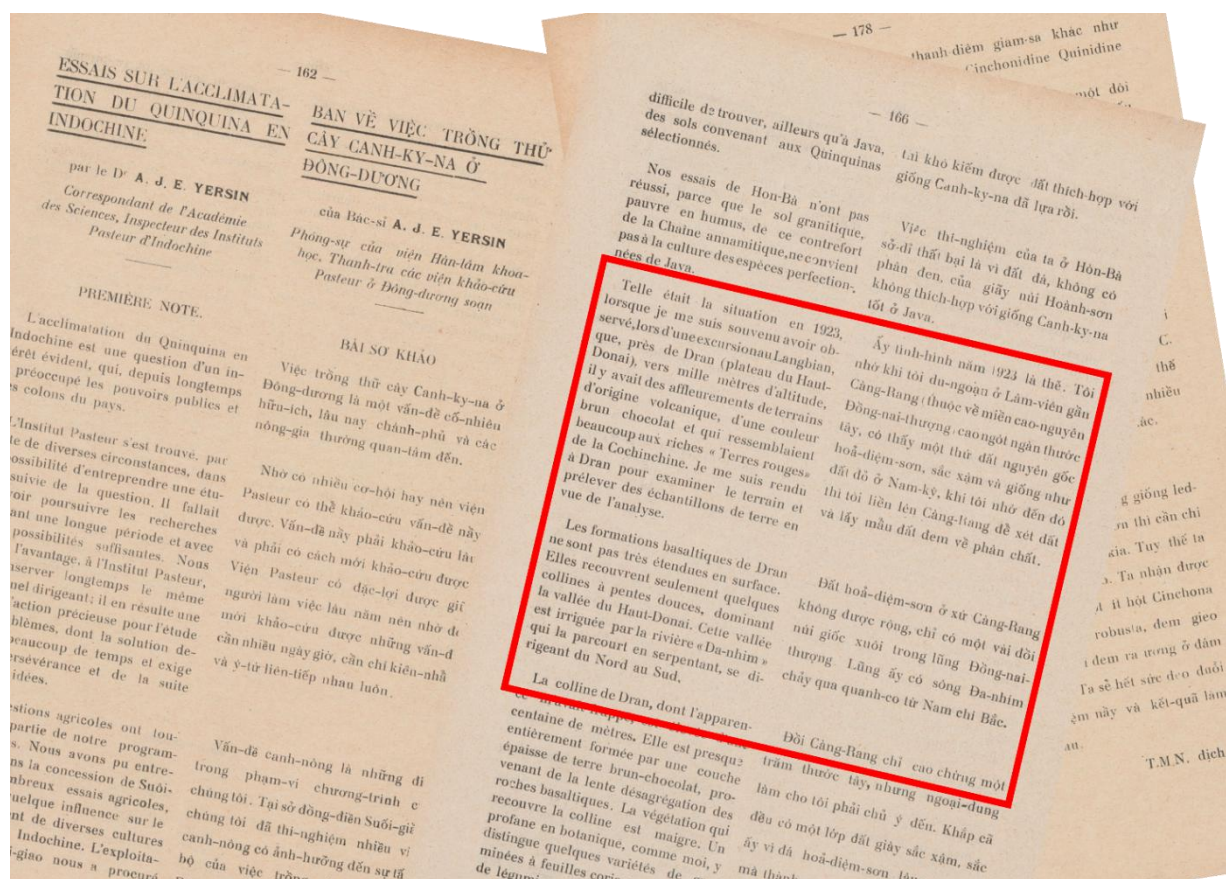
²⁵ *Le chemin de fer du Langbiang atteint le rebord du plateau*. (1928/09/02). *L'Éveil économique de l'Indochine*, 12(585), 18.

²⁶ *Une tournée de M. Graffeuil: Trois inaugurations*. (1938/12/02). *L'Avenir du Tonkin*, 54(12868), 4.

²⁷ Phạm Phú Thành. (1993). *Lâm Viên hành trình nhật ký*. Trong: *Đà Lạt năm xưa* (tr. 94-99). Công ty Văn hóa Tổng hợp Lâm Đồng.

²⁸ Nguyễn Hữu Tranh. (2015/03/12). *Dran dưới mắt người nước ngoài*. *Báo Lâm Đồng điện tử*.

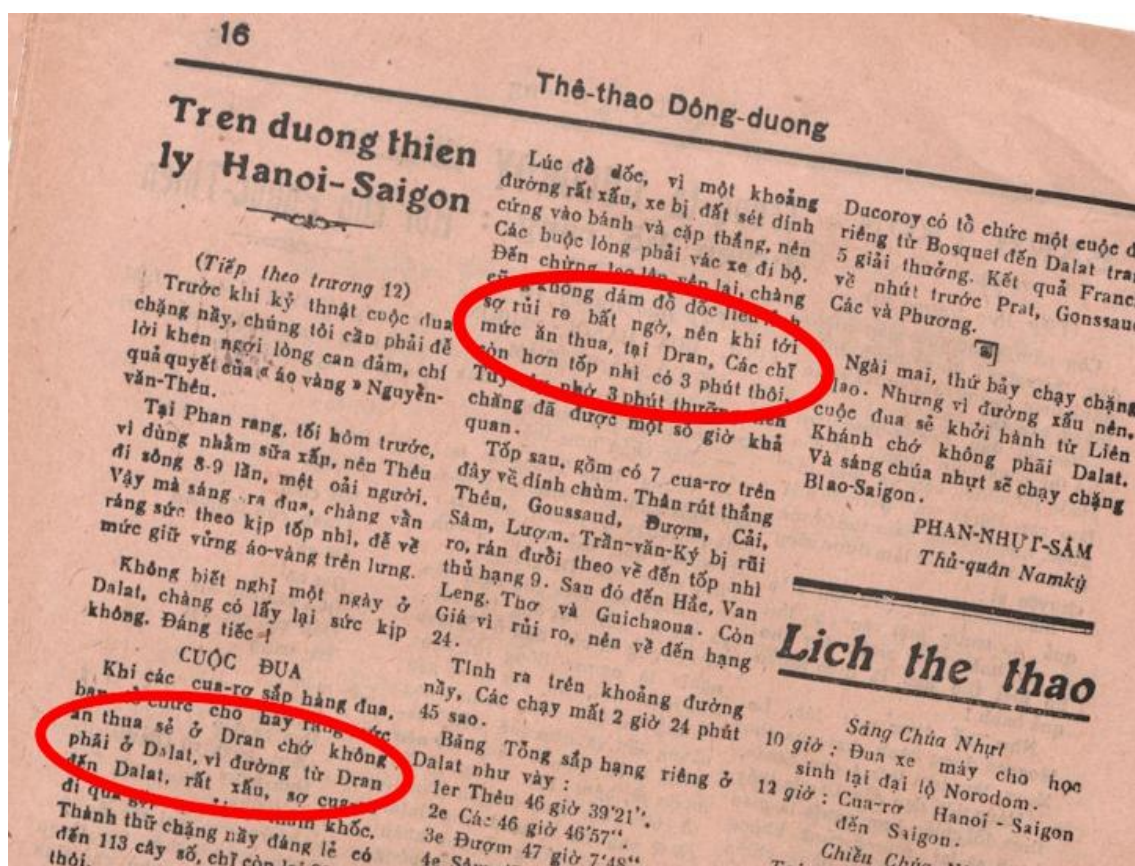
²⁹ Yersin A. J. E. (1928/05). *Essais sur l'acclimatation du quinquina en Indochine. Băn về việc trồng thử cây canh-ky-na ở Đông-Dương* (T. M. N., Trans.). *La Cochinchine agricole [Bulletin mensuel de renseignements et d'informations à l'usage des colons et planteurs français et annamites]*, 162-178.



Ảnh chụp bài báo của bác sĩ Yersin đăng song ngữ Pháp-Việt năm 1928, với bản dịch của T. M. N. dùng tên tiếng Việt “Cành-Rang” ứng với địa danh “Dran” trong tiếng Pháp.
[Nguồn: [Bổ sưu tập Gallica](#), Thư viện Quốc gia Pháp]

Tuy vậy, cho đến trước năm 1945, địa danh “Dran” vẫn được sử dụng trực tiếp trên báo chí đại chúng xuất bản bằng chữ quốc ngữ. Một ví dụ thú vị là về cuộc đua xe đạp xuyên Việt lần đầu (có lẽ thế) từ Hà Nội vào Sài Gòn từ cuối năm 1941 đến đầu năm 1942, được Phan Nhứt Sâm tường thuật trên tuần báo *Thế thảo Đông Dương*³⁰. Sau 9 chặng đua miệt mài từ Hà Nội đến Phan Rang, ngày 08/01/1942, “ở chặng đua Phanrang-Dalat, trải qua đèo Bellevue cao ngêiу đã làm cho các cua-rơ Bắc kỳ và Caomiên rớt lại sau xa, ngoại trừ Vũ-văn-Thân với một sức lực phi-thường, đã đeo dính được danh thủ Nam kỳ, và đã rút thẳng tốp nhì, nhưng cũng không sao theo kịp con Phụng-hoàng Nam kỳ Lê-thành-Các, một mình về trước tốp nhì những ba phút.” Một đoạn khác tường thuật chi tiết chặng đua thứ 10 này: “Khi các cua-rơ sắp hàng đua, ban tổ-chức cho hay rằng mức ăn thua sẽ ở Dran chớ không phải ở Dalat, vì đường từ Dran đến Dalat, rất xấu, sợ cua-rơ đi qua gặp sự rủi ro thảm khốc.” Ở đỉnh đèo (lần này tác giả lại dùng tên “Eo-gió”), tay đua mang biệt danh “Phụng-hoàng” này đã cách tốp sau đến 5 phút, nhưng sau đó có một quãng “đổ dốc, vì một khoảng đường rất xấu, xe bị đất sét dính cứng vào bánh và cặp thắng, nên Các buộc lòng phải vác xe đi bộ. Đến chừng leo lên ven lại, chàng cũng không dám đổ dốc liều lĩnh sợ rủi ro bất ngờ, nên khi tới mức ăn thua, tại Dran, Các chỉ còn hơn tốp nhì có 3 phút thôi.”

³⁰ Phan Nhứt Sâm. (1942/01/09). [Trên đường thiên lý Hanoi-Saigon](#). *Thế thảo Đông Dương*, 2(11), 2-5, 12, 16.



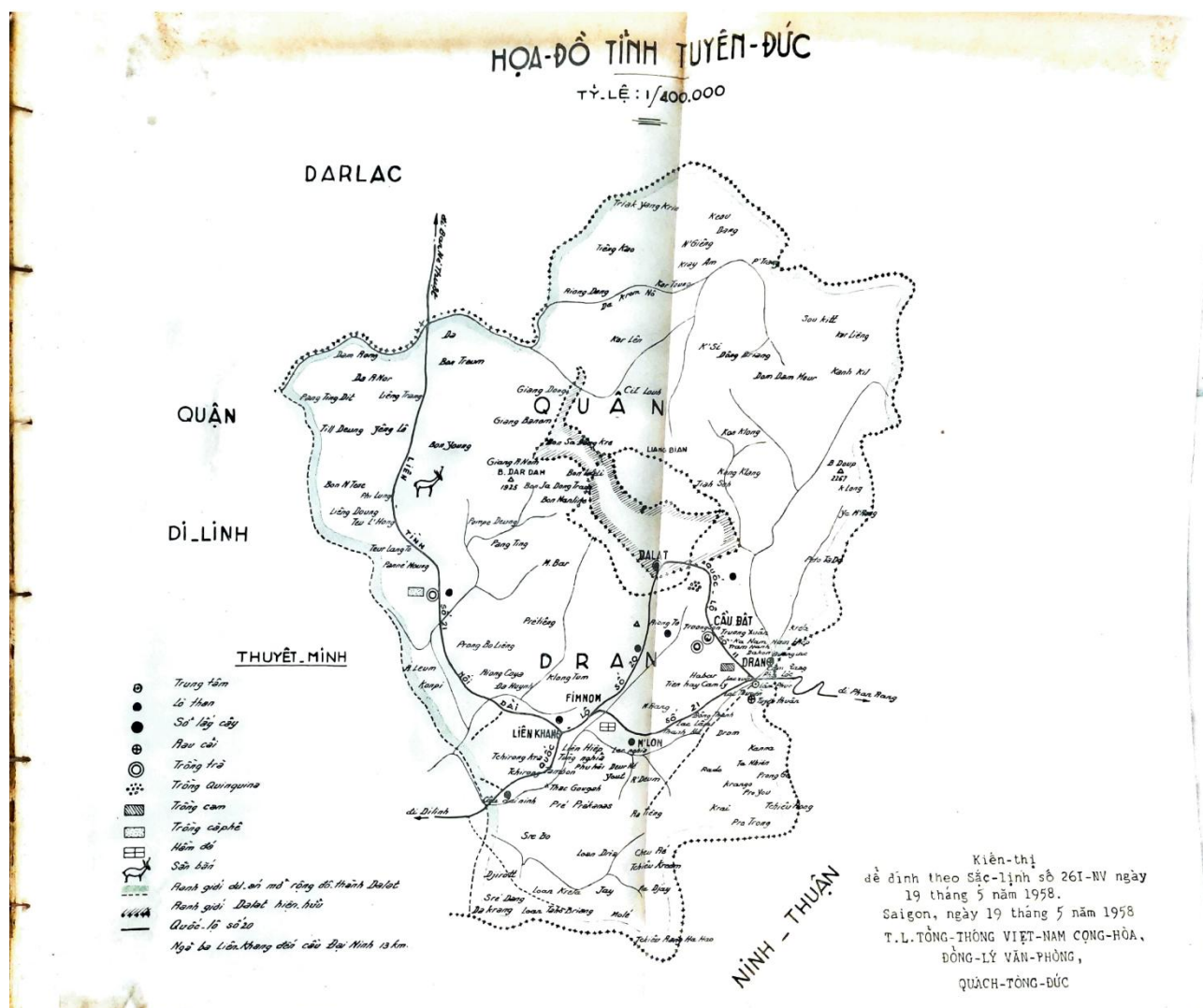
Ảnh chụp bài báo tường thuật cuộc đua xe đạp xuyên Việt 1941-1942, chặng Phan Rang-Đà Lạt có nhắc tới địa danh "Dran". [Nguồn: [Bô sưu tập Gallica](#), Thư viện Quốc gia Pháp]

Ở khía cạnh hành chính, sau Cách mạng Tháng Tám, ngày 22/02/1951 thủ tướng chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã ban hành nghị định số 73-TTg hợp nhất hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng thành tỉnh Lâm Đồng³¹. Nội dung chi tiết cũng như việc thi hành nghị định này thế nào không rõ, nhưng sau Hiệp định Geneva năm 1954 lại có hai văn bản do tổng thống Việt Nam Cộng hoà kí trong cùng một ngày 19/05/1958, đó là nghị định số 170-NV đổi tên tỉnh *Đồng Nai Thượng* thuộc *cao nguyên Trung Phần* thành tỉnh *Lâm Đồng*³², và sắc lệnh số 261-NV tách quận *Dran* khỏi tỉnh *Lâm Đồng* (vừa mới đổi tên) để sáp nhập với đô thị *Đà Lạt* lập thành tỉnh *Tuyên Đức*³³. Điều đó cũng có nghĩa là địa danh "Dran" đã chính thức có tên trong văn bản hành chính bằng tiếng Việt quốc ngữ ít nhất từ ngày hôm ấy.

³¹ Nguyễn Quang Ân. (1997). *Việt Nam: Những thay đổi địa danh và địa giới các đơn vị hành chính 1945-1975* (tr. 47). NXB Văn hoá - Thông tin & Viện Sử học - Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia.

³² Công-báo Việt-Nam Cộng-hòa, Đệ-nhi Tam-cá-nguyệt năm 1958, tr. 2051. [bổ sung tháng 03/2026]

³³ Công-báo Việt-Nam Cộng-hòa, Đệ-nhi Tam-cá-nguyệt năm 1958, tr. 2110. [bổ sung tháng 03/2026]

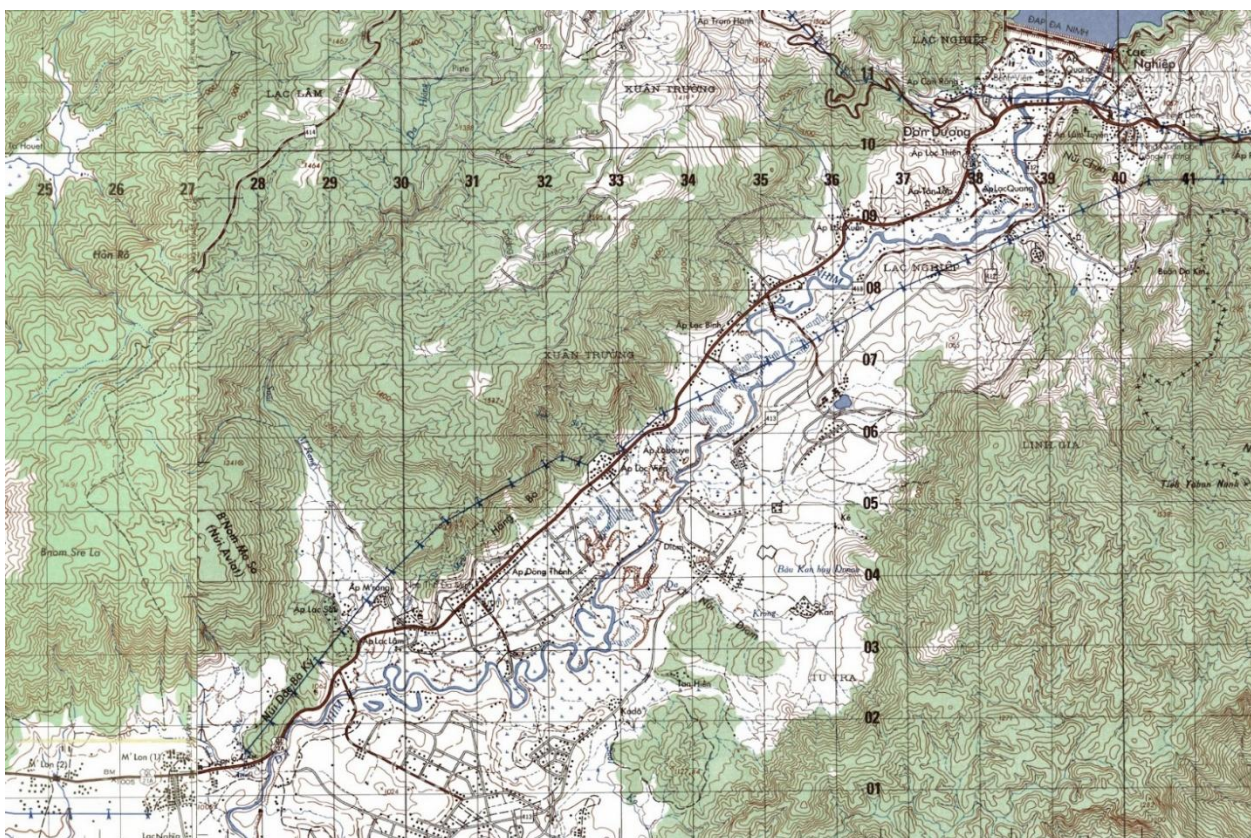


Bản đồ tỉnh Tuyên Đức kèm theo sắc lệnh số 261-NV ngày 19/05/1958 của Tổng thống Việt Nam Cộng hoà, gồm đô thị Đà Lạt và quận Dran. [bổ sung tháng 03/2026]

Thế nhưng, đến ngày 30/09/1958 thì tổng thống Ngô Đình Diệm tiếp tục ra nghị định số 343-NV tách quận Dran thành ba quận Đơn Dương (đổi tên từ Dran cũ), Đức Trọng và Lạc Dương³⁴. Đúng một tháng sau nữa, một nghị định mới lại được tổng thống Diệm ban ra, số 592-BNV/HC/P7/ND ngày 30/10/1958, chia các đơn vị hành chính của ba quận Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương thành 11 tổng và 28 xã, trong đó quận Đơn Dương gồm bốn tổng: Xuân Lạc, Lạc Mỹ, Linh Nhân và Tu Trang³⁵. Địa điểm trung tâm quận Dran trước đó, nơi đặt trạm bưu điện và trạm hành chính Dran năm xưa, được đổi tên thành xã Lạc Nghiệp, thuộc tổng Xuân Lạc (cùng với xã Xuân Trường). Kể từ đây, địa danh “Dran” đã biến mất khỏi các văn bản hành chính sau khi được ghi nhận chính thức trong một quãng thời gian ngắn ngủi.

³⁴ Công-báo Việt-Nam Cộng-hòa, Đệ-tứ Tam-cá-nguyệt năm 1958, tr. 3860. [bổ sung tháng 03/2026]

³⁵ Công-báo Việt-Nam Cộng-hòa, Đệ-tứ Tam-cá-nguyệt năm 1958, tr. 4422. [bổ sung tháng 03/2026]



Một phần bản đồ địa hình khu vực sông Đa Nhim, đoạn chảy từ hạ lưu đập Đa Nhim đến Thanh Mỹ, với các địa danh hành chính dùng trong khoảng 1965-1989.

[Nguồn: tác giả trích ghép từ [các tờ bản đồ số 6732-IV \(Đơn Dương\) và 6632-I \(Đà Lạt\)](#) của Cơ quan Bản đồ Quân đội Hoa Kỳ, phiên bản 2-DMA, 1989]

Từ đó về sau, các địa danh “Lạc Nghiệp” và “Đơn Dương” đã được sử dụng thay thế cho “Đran” về mặt hành chính xuyên suốt hơn 30 năm. Sau khi kết thúc chiến tranh, trong vòng 10 năm từ 1979 đến 1989, chính phủ nước Việt Nam thống nhất đã có một số văn bản điều chỉnh tên và địa giới của các đơn vị hành chính thuộc tỉnh Lâm Đồng. Trước tiên là quyết định số 116-CP ngày 14/03/1979 của Hội đồng Chính phủ chia huyện *Đơn Dương* thành hai huyện *Đơn Dương* và *Lạc Dương*. Điều đáng nói là trong quyết định này, huyện *Đơn Dương* mới bao gồm các xã *TuTra*, *K’Đơn*, *Thanh Mỹ*, *Ka Đô*, *Lạc Xuân*, *Lạc Nghiệp*, *Lạc Lâm*, *Loan* và thị trấn *Đơn Dương*, nhưng không xác định ranh giới cụ thể³⁶. Một câu hỏi đặt ra là, nếu như cho rằng hai xã “Thanh Mỹ” và “Lạc Nghiệp” trong quyết định nói trên tương ứng với hai thị trấn Thanh Mỹ và Dran hiện nay, thì địa danh “thị trấn Đơn Dương” nằm ở đâu?

Đến năm 1983, xã *Loan* được tách thành hai xã *Ninh Loan* và *Đà Loan* theo quyết định số 22/HĐBT ngày 28/03/1983 của Hội đồng Bộ trưởng³⁷. Ba năm sau, Quyết định số 67-HĐBT ngày 06/06/1986 tiếp tục chia xã *Đà Loan* thành hai xã *Đà Loan* và *Ta Năng*, chia xã *Ninh Loan* thành hai xã *Ninh Loan* và *Tà Hine*. Trong văn bản này, các địa danh “TuTra” (không có dấu cách) và “K’Đơn” (có dấu phẩy viết liền) có từ trước được dùng để định vị các xã mới, nhưng được viết thành “Tu Tra” (có dấu cách) và “Ka Đơn” (không có dấu phẩy).

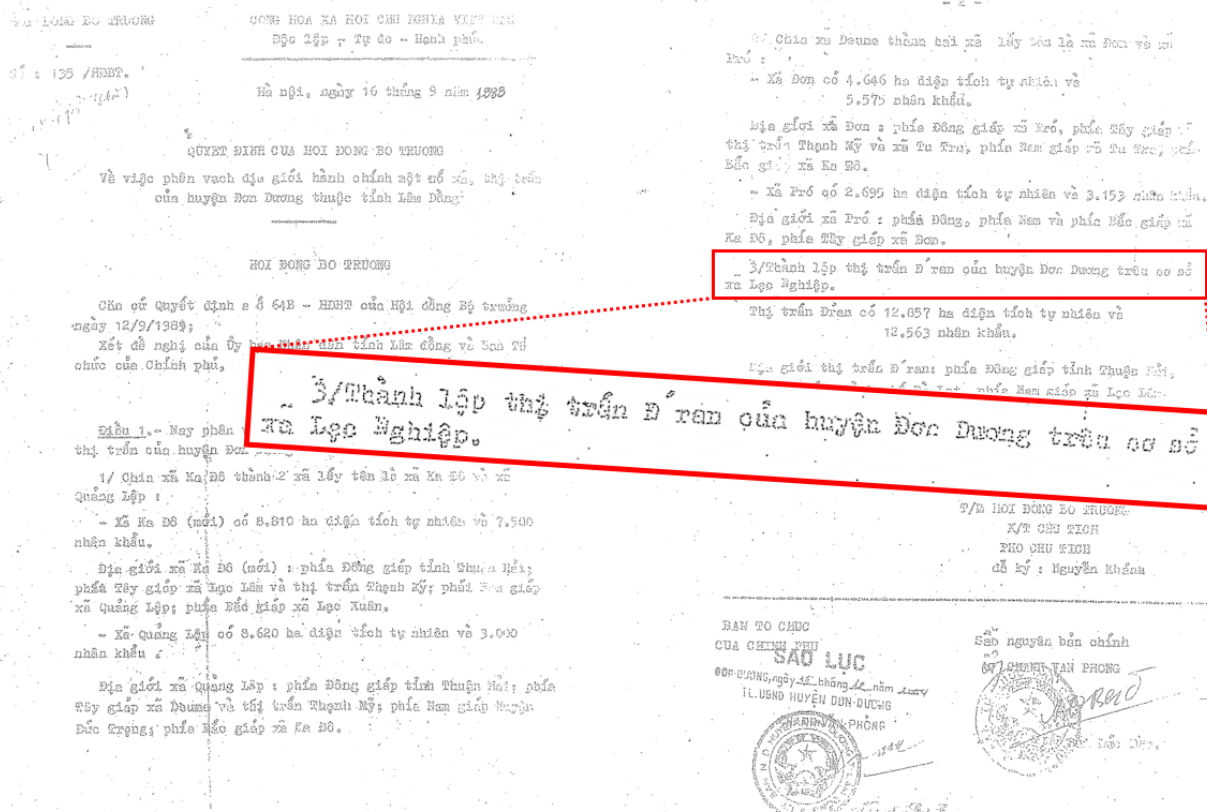
Lại ba năm sau nữa, Quyết định số 135/HĐBT ngày 16/09/1989 chia xã *Ka Đô* thành hai xã *Ka Đô* và *Quảng Lập*, chia xã *Deune* thành hai xã *Đơn* và *Pró*, đồng thời thành lập thị trấn *Đ’ran* trên cơ sở xã *Lạc Nghiệp*³⁸. Đây được xem là cột mốc tái sinh Dran về mặt hành chính sau khi biến mất trên các

³⁶ [Quyết định số 116-CP ngày 14/03/1979](#) của Hội đồng Chính phủ về việc chia một số huyện thuộc tỉnh Lâm Đồng.

³⁷ [Quyết định số 22/HĐBT ngày 28/03/1983](#) của Hội đồng Bộ trưởng về việc phân vạch địa giới hành chính một số xã thuộc tỉnh Lâm Đồng.

³⁸ [Quyết định số 135/HĐBT ngày 16/09/1989](#) của Hội đồng Bộ trưởng về việc phân vạch địa giới hành chính một số xã, thị trấn của huyện Đơn Dương thuộc tỉnh Lâm Đồng.

văn bản của chính quyền hơn 30 năm. Tuy nhiên, cần chú ý địa danh ghi trên văn bản này là “Đ’ran”, tức là chữ D có gạch, kèm dấu phẩy, không có dấu cách, chữ A không có dấu ˆ.



Ảnh chụp bản sao Quyết định số 135/HĐBT ngày 16/09/1989, trong đó điều 3 nói đến việc thành lập “thị trấn Đ’ran” trên cơ sở xã Lạc Nghiệp.
[Nguồn: Hồ sơ lưu trữ Ủy ban Nhân dân Thị trấn Đ’ran]

Qua tra cứu toàn văn loạt văn bản này, chúng ta không khỏi đặt dấu chấm hỏi về quy cách viết địa danh của các cơ quan quản lý hành chính, nhất là các địa danh có nguồn gốc tiếng dân tộc thiểu số. Sự thiếu nhất quán thể hiện rõ rệt trong trường hợp Ka Đơn, được viết thành “K’Đơn” năm 1979 (QĐ 116-CP), “Ka Đơn” năm 1986 (QĐ 66/HĐBT), rồi “Deune” và “Đơn” năm 1989 (QĐ 135/HĐBT). Hay là với Dran, việc dấu phẩy xuất hiện sau chữ D không có lí do gì xác đáng. Bởi nếu nói là phụ âm kép “dr” không tồn tại trong tiếng Việt nên phải chèn dấu phẩy vào, thì tại sao một địa danh có tình huống tương tự là Pró (phụ âm kép “pr” không tồn tại trong tiếng Việt) lại được viết nguyên mà không chèn dấu phẩy, ngay trong cùng văn bản? Còn dấu gạch trên chữ D, lí do dễ hiểu nhất là để phân biệt hai âm đọc /dờ/ và /đờ/, nhưng căn bản lập luận này cũng rất yếu; bởi nếu nhất quán ghi tên theo âm đọc và phân biệt phụ âm kép thì phải viết là “Đ’răn” chứ không phải “Đ’ran” như trong QĐ 135/HĐBT năm 1989. Hiện nay, không rõ về sau có văn bản nào đổi tên các địa danh được xác định trong các văn bản đã liệt kê ở trên hay không. Chỉ biết rằng trên [trạm mạng chính thức của Ủy ban Nhân dân huyện Đơn Dương](#), các đơn vị hành chính kể trên được viết là “Ka Đơn”, “Pró” và “Dran”, tất cả đều không có dấu phẩy.

Tạm kết

Với những chứng cứ về dấu vết thành văn đã trình bày, chúng ta có thể tạm đi đến một số kết luận sơ bộ về gốc tích của địa danh “Dran”, dù chưa hoàn toàn đầy đủ và chân xác. Nhưng để hiểu rõ hơn vấn đề này, cần đặt các minh chứng và sự việc liên quan đến Dran trong một bối cảnh rộng hơn, trước tiên là câu chuyện ngôn ngữ và chữ viết, sau đó là quá trình khám phá và phát triển kinh tế xã hội khu vực Tây Nguyên hiện nay.

Ngôn ngữ bản địa của người Thượng, tiếng Pháp và tiếng Việt

Điều trước tiên cần phải khẳng định, vùng đất Tây Nguyên hiện nay là nơi cư trú của các sắc tộc thiểu số người Thượng từ rất lâu đời. Cũng như là, trước khi người Pháp khám phá thì việc gặt gờ, giao lưu, mua bán trao đổi hàng hoá giữa người Thượng và các cộng đồng dân cư miền đồng bằng (người Chăm, người Hoa, người Kinh,...) đã diễn ra một cách tự nhiên. Vấn đề nằm ở chỗ, họ không có chữ viết riêng, nên các nhân danh và địa danh bản địa chỉ được thể hiện bằng lời nói. Chính vì vậy, để thể hiện các nhân danh và địa danh ấy bằng chữ viết, người thuộc các sắc tộc khác chỉ có thể dùng chữ viết của mình để ghi lại theo một cách gần đúng nhất có thể.

Đối với người Việt trong nửa cuối thế kỉ XIX, tài liệu hiếm hoi có đề cập đến vùng đất thuộc tỉnh Lâm Đồng hiện nay là một tấm bản đồ trong quyển thứ 12 của bộ *Đại Nam nhất thống chí* xuất bản dưới triều Nguyễn, có nêu tên 20 buôn thuộc *Di Dinh thổ phủ* (tỉnh Bình Thuận, đạo Ninh Thuận). Ngoài ra, tài liệu viết bằng chữ Hán này cũng có nhắc đến một dòng sông tên *Dã Dương*, tuy không sâu mà rộng lại có nhiều cá sấu³⁹. Vì thế, mặc dù có tiếp xúc với các sắc tộc người Thượng trước người Pháp, do không có tài liệu thành văn nên người Việt muốn ghi chép về các địa danh và nhân danh bản địa ở cao nguyên Lang Bian thì phải phiên ngược từ cách ghi theo tiếng Pháp; đó âu cũng là một điều dễ hiểu.

Chưa kể, vấn đề ngôn ngữ và chữ viết của người Việt cũng khá phức tạp. Về đại thể, người Việt hiện nay vốn có tiếng nói riêng từ thời xa xưa, nhưng không rõ có chữ viết riêng hay không vì một ngàn năm Bắc thuộc đã xoá sạch hầu hết mọi dấu vết thành văn. Khi bị chính quyền đô hộ phương Bắc bắt học chữ Hán, người Việt lại phát minh ra cách đọc Hán-Việt để học chữ Hán mà không cần nói tiếng Hán; về sau mỗi từ Hán-Việt viết bằng chữ Hán được gọi là chữ Nho⁴⁰. Bên cạnh đó, người Việt lại phát minh ra chữ Nôm bằng cách phỏng theo chữ Hán để viết các âm đọc thuần Việt. Có người cho rằng chữ Nôm xuất hiện từ khoảng thế kỉ X, sau khi giành lại độc lập từ phương Bắc, nhưng vẫn có nhiều ý kiến khác biệt chưa thực sự thống nhất về thời điểm ra đời của chữ Nôm⁴¹.

Trong quá trình phát triển từ thế kỉ X đến thế kỉ XX, mặc dù chữ Nôm có lúc được người sử dụng gọi là Quốc âm (國音) hay Quốc ngữ (國語), nhưng khái niệm “chữ quốc ngữ” hiện nay lại được chính thức sử dụng cho một loại chữ viết khác, dùng chữ cái Latin để ghi âm đọc tiếng Việt. Chữ quốc ngữ được các giáo sĩ thừa sai phương Tây sáng tạo ra trong giai đoạn 1615-1919, khi họ thực hiện các nhiệm vụ truyền giáo tại Việt Nam. Đây là một trường hợp ngoại lệ và độc đáo, khi tiếng Việt là ngôn ngữ bản địa duy nhất tại vùng Đông Á đã thành công trong việc “Latin hoá” chữ viết, dù chịu ảnh hưởng sâu đậm cả về văn hoá, chính trị lẫn lối sử dụng chữ viết tượng hình của người Trung Quốc⁴².

³⁹ Nguyễn Hữu Tranh. (1998). Tlđđ.

⁴⁰ Nguyễn Hải Hoàn. (2024/01/01). Tiếng Việt: Niềm tự hào của chúng ta. *Nghiên cứu quốc tế*. Địa chỉ truy cập: <https://nghiencuuquocite.org/2024/01/01/tieng-viet-niem-tu-hao-cua-chung-ta/>

⁴¹ Vũ Văn Kính. (2011). *Học chữ Nôm* (pp. 9-14). Hà Nội: NXB Văn hoá Thông tin.

⁴² Savatovsky, D. (2022). Préface. In: Phạm Thị Kiều Ly, *Histoire de l'écriture romanisée du vietnamien* (pp. 9-17). Paris, France: Les Indes savantes.



Ảnh chụp bản sắc phong đình Càn Rang của vua Duy Tân năm 1907, viết bằng chữ Hán-Nôm, với dòng đầu tiên bên phải ghi hai địa danh “Càn Rang Tổng” và “Càn Rang Xã”.
[Nguồn: tác giả chủ thích trên ảnh tự chụp tại đình Càn Rang tháng 02/2008]

Trải qua ba thế kỉ hình thành và phát triển tương đối hoàn chỉnh, đến sau khoa thi Hội cuối cùng năm 1919, mốc đánh dấu chấm dứt nền khoa cử Nho học kéo dài gần 850 năm của Việt Nam, chữ quốc ngữ có một tiền đề quan trọng để chuyển mình sang một bước phát triển sâu rộng hơn. Quá trình này được thúc đẩy thêm từ năm 1945 với Sắc lệnh số 20 về việc bắt buộc học chữ quốc ngữ trong toàn quốc, do Võ Nguyên Giáp kí thay Chủ tịch Chính phủ lâm thời mới thành lập sau Cách mạng Tháng Tám⁴³. Dù giai đoạn 1945-1954 có nhiều diễn biến chính trị phức tạp, việc sử dụng chữ quốc ngữ làm chữ viết chính thức thay thế cho chữ Nho và chữ Nôm là một xu hướng không thể đảo ngược.

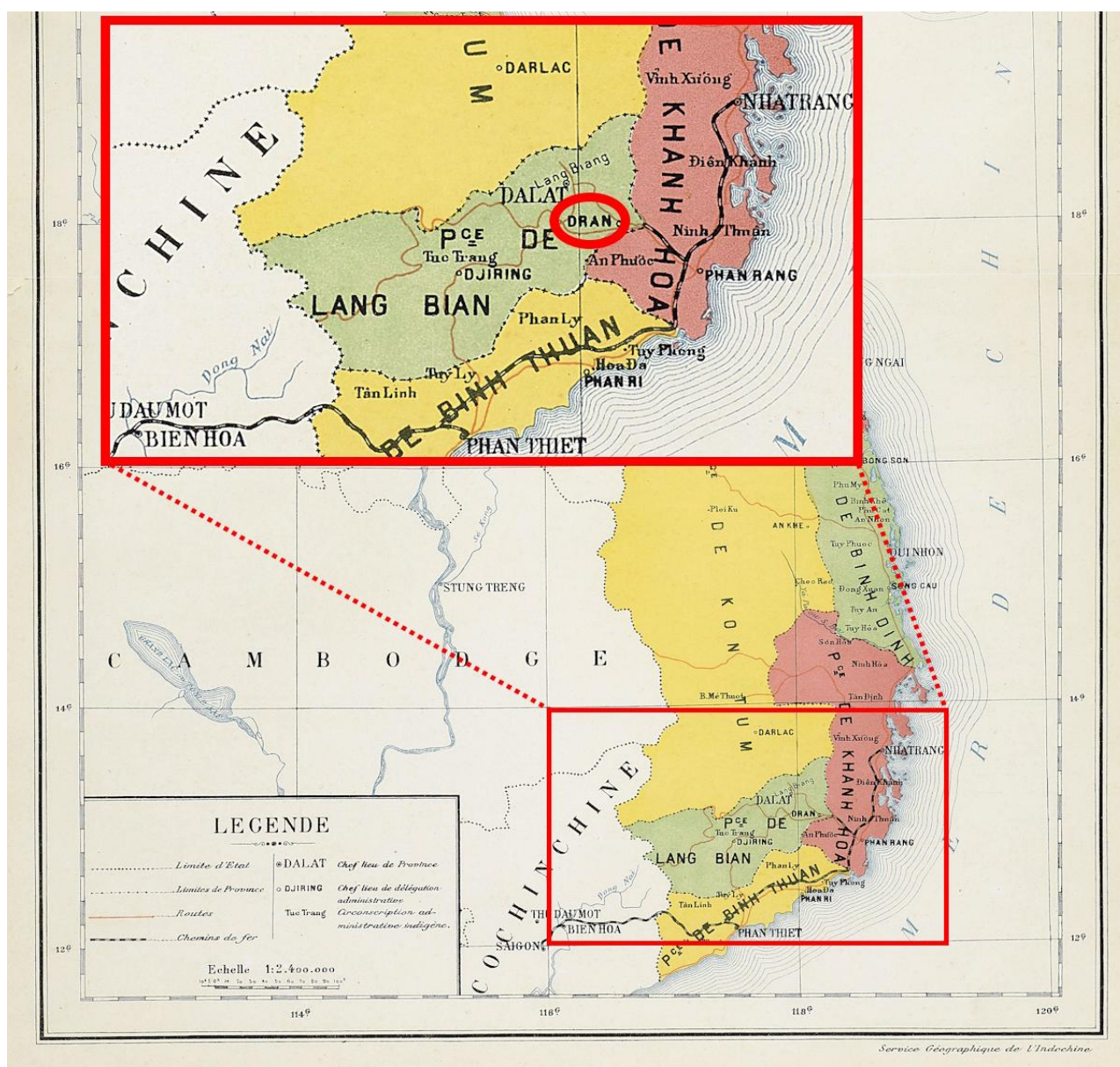
Những thay đổi địa danh hành chính tại cao nguyên Lang Bian

Như đã đề cập ở các phần trước, khu vực cao nguyên Lang Bian thuộc xứ bảo hộ Trung Kỳ ban đầu được người Pháp đặt tên tiếng Pháp là “*province du Haut-Donnai*” năm 1899, triều đình nhà Nguyễn viết bằng chữ Hán-Nôm là “同猓上省”, phiên âm ra chữ quốc ngữ là “Đồng Nai Thượng tỉnh”. Sau một giai đoạn tách nhập với Bình Thuận và Ninh Thuận, theo nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Tranh⁴⁴, ngày 06/01/1916 “*tỉnh Lang Bi-an được thành lập bao gồm vùng đất thuộc tỉnh Lâm Đồng và phần đất rừng thuộc các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Phước ngày nay.*” Trong quyết định bằng tiếng Pháp của toàn quyền Đông Dương đương thời là Ernest Nestor Roume, “tỉnh Lang Bi-an” nói trên được viết là “*province du Lang-Bian*”.

Cho đến khoảng thời gian này, vẫn chưa có dấu vết tài liệu nào ghi địa danh này bằng tiếng Việt quốc ngữ, mà chỉ có bài viết “Lâm Viên hành trình nhật ký” của Thượng thư bộ Công Đoàn Đình Duyệt, viết bằng chữ Hán, đăng *Nam-Phong Tạp-chí* năm 1918, như đã dẫn ở trên. Như thế, có thể xem là đối với triều đình nhà Nguyễn lúc bấy giờ, “*province du Lang-Bian*” được viết bằng chữ Hán là “林園省” (Lâm Viên tỉnh). Từ đó cho đến năm 1945, dù vẫn còn vài lần điều chỉnh nhưng về cơ bản, các địa danh chính ở khu vực này bắt đầu định hình rõ nét hơn giữa tên gọi viết bằng tiếng Pháp, chữ Hán và chữ quốc ngữ: *Haut-Donnai* = 同猓上 = Đồng Nai Thượng; *Lang-Bian* = 林園 = Lâm Viên.

⁴³ [Sắc lệnh số 20 ngày 08/09/1945](#) của Chủ-tịch Chính-phủ Lâm-thời Dân-chủ Cộng-hoà Việt-Nam.

⁴⁴ Nguyễn Hữu Tranh. (1993). [Đà Lạt trên bước đường xây dựng](#). Trong: *Đà Lạt năm xưa* (tr. 56-62). Đà Lạt: Công ty Văn hóa Tổng hợp Lâm Đồng.



Bản đồ hành chính xứ bảo hộ Trung Kỳ năm 1920 ghi tên trạm hành chính Dran thuộc tỉnh Lang Bian (hay Lâm Viên). [Nguồn: [Bô sưu tập Gallica](#), Thư viện Quốc gia Pháp]

Trong giai đoạn tiếp theo từ 1945 đến 1954, địa danh hành chính của cao nguyên Lang Bian thay đổi nhiều lần theo diễn biến phức tạp của thời cuộc chính trị. Từ tháng 3 đến tháng 8 năm 1945, Nhật thay thế Pháp nắm quyền điều hành Việt Nam, kể cả vùng cao nguyên Lang Bian. Sau đó Cách mạng Tháng Tám diễn ra, Mặt trận Việt Minh thành lập chính quyền mới ở các địa phương, bao gồm cả hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng. Hai năm 1945-1946 là thời gian tranh đấu giành co giữa các lực lượng chính trị trong nước lẫn các lực lượng đại diện phe Đồng minh trong Chiến tranh Thế giới lần II là Trung Quốc (miền Bắc) và Pháp (miền Nam). Trong nỗ lực níu giữ quyền hành tại Việt Nam và biến Đà Lạt thành thủ phủ của Liên bang Đông Dương, tướng Georges Thierry d'Argenlieu, Cao ủy Pháp tại Đông Dương (thay thế chức vụ Toàn quyền Đông Dương trước đó), đã ra nghị định ngày 27/05/1946, sáp nhập các tỉnh Đắk Lắk (Darlac), Đồng Nai Thượng (Haut-Donnai), Lang Bian, Pleiku và Kontum để lập thành một khu hành chính đặc biệt (*circonscription administrative spéciale*) có tên là “Ủy sở Chính phủ Liên bang về các Dân tộc Cao nguyên Miền Nam Đông Dương” (*Commissariat du Gouvernement fédéral pour les populations montagnardes du Sud-Indochinois*)⁴⁵. Cuối năm 1946, cuộc kháng chiến chống Pháp nổ ra; trong thời gian chiến sự kéo dài, việc quản lý

⁴⁵ Goanvic, J. (2014/01/24). Histoire postale des Populations Montagnardes du Sud-Indochinois (P.M.S.I.) 1946 - 1951 [Mise à jour : 2023/03/06]. *Histoire postale de l'Indochine dans la tourmente 1939 - 1955+*. https://www.histoire-et-philatelie.fr/pages/008_indo/528_pmsi.html

hành chính đối với “các Dân tộc Cao nguyên Miền Nam Đông Dương” (viết tắt theo tên tiếng Pháp là P.M.S.I) vẫn thuộc về người Pháp⁴⁶.

Đến năm 1948, cựu hoàng Bảo Đại thoả hiệp với chính phủ Pháp lập ra Quốc gia Việt Nam (*État du Viet-Nam*) để mình làm Quốc trưởng, rồi thuyết phục được người Pháp nhượng bộ, chuyển giao quyền cai quản các vùng đất cao nguyên phía Bắc và phía Nam. Trên cơ sở ấy, Quốc trưởng Bảo Đại đã ra đạo dụ số 6 ngày 15/04/1950 lập hai vùng Hoàng triều Cương thổ (*Domaine de la Couronne*) phía Bắc và phía Nam⁴⁷. Khu vực Hoàng triều cương thổ phía Nam thuộc P.M.S.I. trước đó được đổi tên thành *Pays montagnards du Sud*, viết tắt là P.M.S., trong tiếng Việt quốc ngữ được viết là “Miền Nam Cao-Nguyên”⁴⁸. Về mặt hành chính, Hoàng triều Cương thổ được xem như là đất riêng của Quốc trưởng, có những chính sách riêng biệt dành cho các sắc tộc bản địa, và hạn chế tối đa người Kinh đi lại giao du với người bản địa, tất cả phụ thuộc quyền điều hành trực tiếp của người Pháp.

PHÁP ĐOÀN CAO ỦY
DÉLÉGATION DU HAUT-COMMISSARIAT
POUR LES VÊ CAC
POPULATIONS MONTAGNARDÈS DU SUD-INDOCHINOIS
DÂN TỘC CAO NGUYÊN MIỀN NAM ĐÔNG DƯƠNG

**CERTIFICAT D'ÉTUDES PRIMAIRES COMPLÉMENTAIRES
INDOCHINOISES**

Le Chef du Service de l'Enseignement pour les Populations Montagnardes du Sud-Indochinois,
Vu l'arrêté du 21 Décembre 1917 du Gouverneur Général promulguant en Indochine le Règlement Général
de l'Instruction Publique et les arrêtés subséquents ;
Vu le Procès-verbal de l'examen subi par M. Lâm Trung Châu (Session du 24 Août 1951
Commission de Balat) dans les conditions déterminées par le Règlement susvisé et attestant
que M. Lâm Trung Châu né le originaire du village de Balat
phu ou huyen de province de Quảng Bình a été jugé digne d'obtenir le Certificat
d'Études primaires complémentaires avec la mention
Délivré à Monsieur Lâm Trung Châu le présent Certificat
d'Études primaires complémentaires pour servir et valoir ce que de droit.

Vu : Imperial
Le Délégué du Haut-Commissaire pour les P.M.S.I.
M. M. M. M.
Signé: R. DIDELOT

PHOTOGRAPHE ..
du
TITULAIRE

Banmethuôt, le 24 Août 1951
LE CHIEF DE SERVICE du Service de l'Enseignement pour les P.M.S.I.
Perrenot
Inspecteur de l'Enseignement primaire indochinois
Enregistré sous le n° 234

Ảnh chụp chứng chỉ tiểu học bằng tiếng Pháp cấp ngày 24/08/1951, thể hiện rõ dấu vết đổi tên P.M.S.I (Populations montagnardes du Sud-Indochinois) thành P.M.S. (Pays montagnards du Sud).

[Nguồn: tác giả chủ thích và đánh dấu trên ảnh chụp của thầy Lâm Trung Châu (tháng 08/2023)]

Sau Hiệp định Geneva năm 1954, lãnh thổ Việt Nam chia đôi theo vĩ tuyến 17. Ở miền Nam, Ngô Đình Diệm lên cầm quyền Thủ tướng và đề xuất Quốc trưởng Bảo Đại phê chuẩn đạo dụ số 21 ngày 11/03/1955 sáp nhập hoàn toàn hai vùng Hoàng triều Cương thổ vào lãnh thổ Quốc gia Việt Nam, loại bỏ toàn bộ quyền quản lý hành chính của người Pháp⁴⁹. Về mặt ngôn ngữ trên các văn bản giấy tờ hành

⁴⁶ Goscha, C. E. (2011). *Pays montagnards du sud (PMS)*. In: *Historical Dictionary of the Indochina War: An International and Interdisciplinary Approach (1945-1954)*. Honolulu, HI, USA & Copenhagen, Denmark: University of Hawaii Press & Nordic Institute of Asian Studies.

⁴⁷ Cửu Long Giang & Toàn Ảnh. (1974). *Cao nguyên miền Thượng* (tr. 137). Quyển thượng. Saigon: Khai Trí.

⁴⁸ Ưông Thái Biều. (2020/11/25). Phê đề “hồi loan” và ký vãng về “Hoàng triều Cương thổ” (kỳ 3). *Báo Lâm Đồng điện tử*. <https://baolamdong.vn/hosotulieu/202011/phe-de-hoi-loan-va-ky-vang-ve-hoang-trieu-cuong-tho-ky-3-3032102/>

⁴⁹ Cửu Long Giang & Toàn Ảnh. (1974). Tlđđ. Tr. 139.

chính, có thể thấy một xu hướng chuyển dịch ngày càng rõ nét từ tiếng Pháp (trước 1945) đến xen lẫn tiếng Pháp và tiếng Việt quốc ngữ (1945-1954) rồi chuyển hẳn sang tiếng Việt quốc ngữ (từ 1955).

Niên biểu diễn biến xuất hiện và thay đổi địa danh “Dran”

Xét trong bối cảnh chính trị và ngôn ngữ nêu trên, cùng với các chứng cứ đã trình bày trong các phần trước, có thể lập một trục niên biểu khái quát hoá quá trình xuất hiện và diễn biến thay đổi cách ghi địa danh “Dran” theo thời gian. Để thuận tiện hiểu thêm bối cảnh chung, những cột mốc quan trọng sẽ được bổ sung [*in nghiêng trong ngoặc vuông*], dù không trực tiếp có dấu vết ghi chép thành văn về địa danh “Dran”.

- **Thời kì trước năm 1945:** Các giấy tờ hành chính chủ yếu dùng tiếng Pháp, kết hợp với các chiếu dụ và sắc phong bằng chữ Hán-Nôm của triều đình nhà Nguyễn. Tiếng Việt quốc ngữ chủ yếu được sử dụng trên báo chí đại chúng và các tài liệu nghiên cứu khoa học.
 - **1893:**
 - Bác sĩ Yersin viết tên “**Dran**” (tiếng Pháp) trong sổ tay nhật kí hành trình ngày 25/06, trên đường từ Lang Bian xuống Phan Rang.
 - **1898:**
 - Địa danh “**Dran**” (tiếng Pháp) có tên trong “Sơ đồ tập hợp các lộ trình thám hiểm” của đại uý Thouard.
 - **1899:**
 - Toàn quyền Doumer trực tiếp thị sát cao nguyên Lang Bian (khoảng tháng 2-3), có dừng chân nghỉ ngơi tại “**Dran**” [được kể lại trong các tài liệu của bác sĩ Yersin (tiếng Pháp) về sau].
 - [*Tỉnh Đồng Nai Thượng được Doumer ra quyết định thành lập ngày 01/11.*]
 - **1900:**
 - Địa danh “**Dran**” (tiếng Pháp) có tên trong “Kí hoạ sơ đồ đường lộ và lối mòn cheo leo từ Phan Rang đến Langbian” của Guillaume Capus.
 - Trạm bưu điện “**Dran**” (tiếng Pháp) được thành lập ngày 24/02, bổ nhiệm nhân sự lần đầu ngày 11/03, phục vụ từ ngày 15/03, bổ nhiệm nhân sự lần thứ hai ngày 01/04.
 - **1902:**
 - Địa danh “**Dran**” (tiếng Pháp) được toàn quyền Doumer nhắc đến trong báo cáo kết thúc nhiệm kì của mình, đoạn nói về tuyến đường sắt răng cưa Tháp Chàm-Đà Lạt (tháng 2).
 - Địa danh “**Dran**” (tiếng Pháp) được nhắc đến nhiều lần trong báo cáo của bác sĩ Étienne Tardif về bảy chuyến thám hiểm cao nguyên Lang Bian trong khuôn khổ nhiệm vụ của Phái đoàn Guynet trong hai năm 1899-1900. Đặc biệt, tài liệu này có nhắc đến địa danh “**Karran**” (một lần duy nhất), có lẽ như là một địa danh thuộc phạm vi “**Dran**”.
 - [*1903: Tỉnh Đồng Nai Thượng được sáp nhập vào tỉnh Bình Thuận.*]
 - [*1906: Khởi công xây dựng chặng đầu tiên của tuyến đường sắt răng cưa lên cao nguyên Lang Bian, từ Tháp Chàm đến Xóm Gòn.⁵⁰*]

⁵⁰ Thompson, P. (2022). Building the Langbian railway (1898-1938): Part 1. *Locomotives International Issue*, 136, 16-25. [*Toàn bộ các thông tin liên quan đến tiến độ xây dựng tuyến đường sắt răng cưa từ Tháp Chàm đến Đà Lạt ở đây đều trích dẫn từ tài liệu này.*]

○ 1907:

- Đình Càn Rang được triều đình ban sắc phong ngày 24 tháng 8 (âm lịch) năm Duy Tân thứ nhất, có ghi hai địa danh “Càn Rang tổng” (乾烱总) và “Càn Rang xã” (乾烱社).

POINTS	DATES	HEURES	Température	Observations
Songon	9 juin.	nuit.	35°	
Dion (vallée du Donaï), altitude 1,000 m.....	10 juin.	7 h. soir.	22°	
	11 juin.	5 h. mat.	17°	
	—	3 h. soir.		Pluie
Krian (vallée du Donaï, altitude 1,150 m.....	—	7 h. soir.	22°	
	12 juin.	5 h. mat.	17°	
Dalat (plateau du Lang-Bian), altitude 1,550 m...	—	midi.	21°	
	—	2 h. soir.	18°	Pluie
Dang-Gia (plateau du Lang-Bian), altitude 1,410 m.	—	7 h. soir.	17°	
	13 juin.	2 h. 1/2 m.	14°	
	—	7 h. soir.	18°	*
Dalat.....	14 juin.	midi.	22°	
	—	1 h.	18°	(après une ondée)
	15 juin.	4 h. 1/2 m.	11°	
Karran (Dran), (vallée du Donaï), altitude 1,000 m	—	2 h. soir.	22°	
	—	3 h. soir.		Pluie
	16 juin.	5 h. mat.	16°5	
	—	midi.	35°5	
	—	3 h.		Pluie

Bảng so sánh nhiệt độ các địa điểm dọc đường lên cao nguyên Lang Bian của bác sĩ Étienne Tardif vào tháng 06/1899, ghi chú “Karran” như là một địa danh thuộc phạm vi “Dran”.

[Nguồn: Tardif, É. (1902). Tlđđ. Tr. 17]

○ 1909:

- Trạm hành chính “Dran” được thành lập, với quan tri huyện đầu tiên là “Ya Gut”.

○ 1914:

- Trạm bưu điện “Dran” (tiếng Pháp) được ghi tên trên bản đồ mạng lưới bưu chính và điện báo Đông Dương.
- [Chặng đường sắt răng cưa từ Tháp Chàm đến Xóm Gòn được hoàn thành và đi vào hoạt động từ ngày 02/07.]

○ [1916: Thành lập tỉnh Lang Bian từ các khu vực thuộc tỉnh Đồng Nai Thượng cũ. Các công trình xây dựng đô thị Đà Lạt bắt đầu được triển khai.]

○ [1918: Thượng thư bộ Công Đoàn Đình Duyệt dâng bài “Lâm Viên hành trình nhật ký” bằng chữ Hán trên Nam-Phong Tạp-chí, gọi tên “Lang-Bian” là “Lâm Viên” (林園).]

○ [1919: Quyết định xây dựng (ngày 02/03) và hoàn thành (ngày 02/07) chặng đường sắt răng cưa từ Xóm Gòn đến Krôngpha.]

○ 1920:

- Tỉnh Lang Bian (hay Lâm Viên) được tách thành thị xã Đà Lạt và tỉnh Đồng Nai Thượng (ngày 31/10). Tỉnh mới này gồm ba quận có tên tiếng Pháp là

“Djiring”, “Blao” và “**Dran**”.

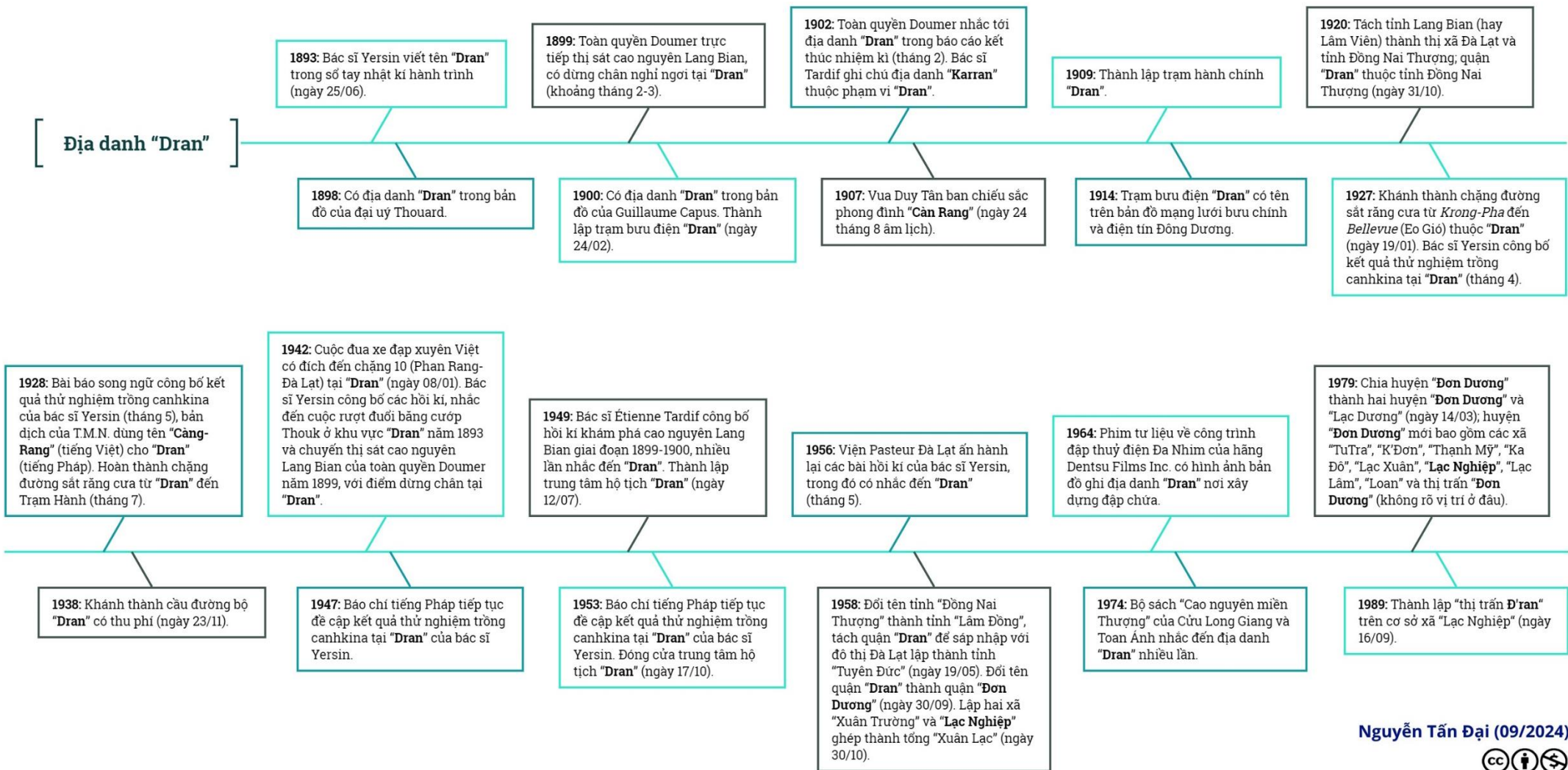
- [1922: Khởi công xây dựng chặng đường sắt răng cưa từ Krongpha (Sông Pha) đến Eo Gió ngày 01/08.]
- [1923: Bác sĩ Yersin quay lại Dran khảo sát các điều kiện tự nhiên và thổ nhưỡng chuẩn bị cho việc thử nghiệm trồng canhkinia tại đây.]
- [1925: Kí hợp đồng xây dựng các chặng đường sắt răng cưa từ Eo Gió đến Dran và từ Dran đến Trạm Hành (Arbre Broyé) ngày 25/02.]
- **1927:**
 - Báo chí tiếng Pháp đăng tin về “**Dran**” trong lễ khánh thành chặng đường sắt răng cưa từ Krongpha đến Eo Gió (ngày 19/01).
 - [Chặng Krongpha-Eo Gió chính thức khai thác từ ngày 10/02. Hoàn thành cầu sắt Dran, chính thức khai thác chặng Eo Gió-Dran từ ngày 01/08.]
 - Bác sĩ Yersin công bố kết quả thử nghiệm trồng canhkinia tại “**Dran**” (tiếng Pháp) trên Tạp chí Nông nghiệp Truyền thống và Thực vật học Ứng dụng (*Journal d'agriculture traditionnelle et de botanique appliquée*), các số tháng tháng 4, tháng 5 và tháng 12.
- **1928:**
 - Bác sĩ Yersin tóm lược kết quả thử nghiệm trồng canhkinia tại “**Dran**”, đăng song ngữ Pháp-Việt trên tạp chí Nam Kỳ Nông nghiệp (*La Cochinchine agricole*), số tháng 5. Bản dịch tiếng Việt do T. M. N. thực hiện, nhất quán ghi “**Càng-Rang**” ứng với địa danh “**Dran**” trong khi vẫn ghi nguyên vẹn tên “Djiring” như trong tiếng Pháp.
 - Báo chí tiếng Pháp đăng tin về “**Dran**” khi chặng đường sắt răng cưa từ Dran đến Trạm Hành được hoàn thành và đi vào hoạt động (từ tháng 7).
- [1929: Khởi công xây dựng chặng đường sắt răng cưa từ Trạm Hành đến Trạm Bò (Le Bosquet) ngày 12/01.]
- [1930: Khởi công xây dựng chặng đường sắt răng cưa từ Trạm Bò đến Đà Lạt ngày 14/01.]
- [1933: Toàn bộ tuyến đường sắt răng cưa hoàn chỉnh từ Tháp Chàm đến Đà Lạt được đưa vào khai thác.]
- **1938:**
 - Báo chí tiếng Pháp đăng tin về lễ khánh thành cầu đường bộ “**Dran**” vào sáng ngày 23/11.
 - [Nhà ga Đà Lạt, điểm cuối của tuyến đường sắt răng cưa, được khánh thành vào buổi chiều cùng ngày.]
- [1941: Tái lập tỉnh Lang Bian (hay Lâm Viên) ngày 08/01, bằng cách sáp nhập thị xã Đà Lạt với vùng ngoại ô và khu vực Dankia trước đây, và giảm phần diện tích tương ứng của tỉnh Đồng Nai Thượng.]
- **1942:**
 - Tờ báo tiếng Việt quốc ngữ *Thế thảo Đông Dương* ngày 09/01 đăng bài “Trên đường thiên lý Hanoi-Saigon” của Phan Nhật Sâm, cuộc đua xe đạp xuyên Việt từ Hà Nội vào Sài Gòn khởi hành từ cuối tháng 12/1941, với đích đến chặng 10 (Phan Rang-Đà Lạt) tại “**Dran**” (ngày 08/01).
 - Bác sĩ Yersin công bố các hồi kí (tiếng Pháp) “Bước đầu nhận biết cao nguyên

Lang Bian” (*Premières reconnaissances du plateau du Lang-Bian*) kể về chuyến thị sát của toàn quyền Doumer năm 1899, với điểm dừng chân tại “**Dran**”, và “Chạm mặt toán cướp trên cao nguyên xứ Thượng” (*Rencontre avec les pirates sur le plateau moi*), kể về cuộc rượt đuổi băng cướp Thouk năm 1893, có nhắc tới địa danh “**Dran**”.

- [1943: *Bác sĩ Yersin từ trần tại Nha Trang ngày 01/03.*]
- **Thời kì 1945-1954:** Giai đoạn chuyển tiếp với sự biến mất của chữ Hán-Nôm đồng thời với việc sử dụng xen kẽ tiếng Việt quốc ngữ trong các văn bản, giấy tờ hành chính tiếng Pháp.
 - [1946: *Các tỉnh Đồng Nai Thượng và Lang Bian được đưa vào nhóm “các Dân tộc Cao nguyên Miền Nam Đông Dương” (P.M.S.I.) ngày 27/05.*]
 - **1947:**
 - Báo chí tiếng Pháp tiếp tục đề cập [kết quả thử nghiệm trồng canhkinga tại “Dran”](#) của bác sĩ Yersin.
 - [1949: *Cựu hoàng Bảo Đại kí Hiệp định Élysée ngày 08/03 tuyên bố thành lập Quốc gia Việt Nam thuộc khối Liên hiệp Pháp.*]
 - **1949:**
 - Bác sĩ Étienne Tardif công bố hồi kí (tiếng Pháp) “Sự khai sinh Đà Lạt (Trung Kỳ) 1899-1900: thủ phủ Đông Dương 1946”, trong đó có nhiều lần nhắc đến địa danh “**Dran**”.
 - [Thành lập trung tâm hộ tịch “Dran”](#) ngày 12/07 (tiếng Pháp).
 - [1950: *P.M.S.I. được chuyển thành Hoàng triều Cương thổ “Miền Nam Cao-Nguyên” (P.M.I.) ngày 15/04.*]
 - [1951: *Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà quyết định hợp nhất hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng thành tỉnh Lâm Đồng ngày 22/02, nhưng không rõ hiệu lực tác dụng thực tế.*]
 - **1953:**
 - Báo chí tiếng Pháp tiếp tục đề cập [kết quả thử nghiệm trồng canhkinga tại “Dran”](#) của bác sĩ Yersin.
 - Quyết định của Cao uỷ Pháp tại Việt Nam [đóng cửa trung tâm hộ tịch “Dran”](#) ngày 17/10 (tiếng Pháp).
 - [1954: *Quân Pháp thua trận tại Điện Biên Phủ ngày 07/05. Song song với Hội nghị Geneva, Quốc trưởng Bảo Đại gọi Ngô Đình Diệm từ nước ngoài về làm Thủ tướng Quốc Gia Việt Nam.*]
- **Thời kì 1955-1975:** Các chính quyền của người Việt đã sử dụng hoàn toàn tiếng Việt quốc ngữ trong các văn bản, giấy tờ hành chính. Một số địa danh viết theo kiểu tiếng Pháp vẫn được lưu giữ trong cách viết tiếng Việt. Một số địa danh được điều chỉnh, đổi tên theo các âm đọc Hán-Việt hoặc thuần Việt.
 - [1955: *Thủ tướng Ngô Đình Diệm quyết định sáp nhập Hoàng triều Cương thổ “Miền Nam Cao-Nguyên” (P.M.I.) vào lãnh thổ Quốc gia Việt Nam ngày 11/03; tổ chức cuộc trưng cầu dân ý nhằm truất phế Bảo Đại ngày 23/10, đưa mình lên làm Quốc trưởng.*]
 - [1956: *Quốc trưởng Ngô Đình Diệm cho Quốc gia Việt Nam rút khỏi Liên hiệp Pháp; tổ chức bầu cử Quốc hội Lập hiến ngày 04/03, từ đó đổi tên Quốc gia Việt Nam thành Việt Nam Cộng hoà và ban hành hiến pháp mới ngày 26/10, lập chức danh Tổng thống. Quân đội Pháp rút khỏi Việt Nam.*]

- **1956:**
 - Viện Pasteur Đà Lạt ấn hành lại các bài hồi kí (tiếng Pháp) của bác sĩ Yersin năm 1942, trong đó có nhắc đến địa danh “**Dran**” (tháng 5).
- **1958:**
 - Tổng thống Việt Nam Cộng hoà quyết định đổi tên tỉnh “Đồng Nai Thượng” thành tỉnh “Lâm Đồng”, và tách quận “**Dran**” khỏi tỉnh “Lâm Đồng” (vừa mới đổi tên) để sáp nhập với đô thị Đà Lạt lập thành tỉnh “Tuyên Đức” (ngày 19/05). Sau đó tiếp tục đổi tên quận “**Dran**” thành quận “**Đơn Dương**” (ngày 30/09) rồi lập hai xã “Xuân Trường” và “**Lạc Nghiệp**” ghép thành tổng “Xuân Lạc” (ngày 30/10).
- **1964:**
 - Bộ phim tư liệu về công trình thủy điện Đa Nhim của hãng Dentsu Films Inc. có hình ảnh bản đồ ghi địa danh “**Dran**” (tiếng Anh) là nơi xây dựng đập chứa [[phút 05:16](#)].
- **1974:**
 - Bộ sách “[Cao nguyên miền Thượng](#)” (hai quyển) của Cửu Long Giang và Toan Ánh do nhà Khai Trí ấn hành (tiếng Việt quốc ngữ), nhắc đến địa danh “**Dran**” rất nhiều lần, song song với các địa danh “**Đơn Dương**” và “**Lạc Nghiệp**” đã đi vào giấy tờ hành chính từ năm 1958.
- **Thời kì từ năm 1975 đến nay:** Đặc trưng chủ yếu ở giai đoạn này là tên các địa danh hành chính thay đổi nhiều lần nhưng không có sự nhất quán, đồng bộ và chính xác theo những nguyên tắc chặt chẽ. Đây cũng là hạn chế chung trong quan điểm và nguyên tắc phiên chuyển các nhân danh và địa danh bản xứ của các sắc tộc thiểu số (cũng giống như từ tiếng nước ngoài) ra tiếng Việt quốc ngữ, mà cho đến nay vẫn chưa có sự thống nhất từ giới chuyên môn ngôn ngữ học cho tới các cơ quan quản lí Nhà nước và các cơ quan truyền thông đại chúng⁵¹.
- **1979:**
 - Hội đồng Chính phủ quyết định chia huyện “**Đơn Dương**” thành hai huyện “**Đơn Dương**” và Lạc Dương (ngày 14/03), trong đó huyện “**Đơn Dương**” mới bao gồm các xã “TuTra”, “K’Đơn”, “Thanh Mỹ”, “Ka Đô”, “Lạc Xuân”, “**Lạc Nghiệp**”, “Lạc Lâm”, “Loan” và thị trấn “**Đơn Dương**”. So với hiện nay, không có căn cứ xác định địa danh “thị trấn **Đơn Dương**” nằm ở đâu.
- [*1986: Hội đồng Bộ trưởng quyết định chia tách các xã “Ninh Loan” và “Đà Loan”, xác định ranh giới cụ thể so với các địa danh “Tu Tra” và “Ka Đơn”, với cách viết tên khác đi so với quyết định năm 1979.*]
- **1989:**
 - Hội đồng Bộ trưởng quyết định chia xã “Ka Đô” thành hai xã “Ka Đô” và “Quảng Lập”, chia xã “Deune” (cách ghi không tồn tại trong các quyết định trước) thành hai xã “Đơn” và “Pró”, đồng thời thành lập thị trấn “**Đ’ran**” trên cơ sở xã “**Lạc Nghiệp**” (ngày 16/09).

⁵¹ Hoàng Tuệ. (2006/12/08). Một số vấn đề về chuẩn mực hoá ngôn ngữ: Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. *Ngonngu.net*.
<https://ngonngu.net/chuanmuchoa6/170>



Nguyễn Tấn Đại (09/2024)



Trục niên biểu khái quát diễn biến xuất hiện và thay đổi địa danh “Dran”.
[Nguồn: Nguyễn Tấn Đại, 09/2024]

Thay lời kết: Lựa chọn cách viết nào?

Tựu trung, trừ phi có những chứng cứ khác với các dấu vết đã trình bày trong bài này, có thể thấy có các cách viết địa danh Dran chính như sau:

1. **Viết theo lịch sử qua cách viết tiếng Pháp: “Dran”.** Cách viết này phù hợp với thói quen sử dụng tiếng Việt quốc ngữ của các cơ quan quản lý hành chính cũng như truyền thông báo chí và giới nghiên cứu người Việt từ các thế hệ đầu cho đến năm 1975, cũng như những người có quan điểm hiện đại về ngôn ngữ tiếng Việt hiện nay⁵².
2. **Dùng tên tiếng Việt theo cách phát âm Hán-Nôm: “Càn Rang”.** Cách viết này có thể xem như thuần Việt, nhưng gốc tích lỗi phiên âm này chưa thực sự rõ ràng.
3. **Viết theo văn bản hành chính hiện hành: “Đ’ran”.** Cách viết này về nguyên tắc là bắt buộc trên các văn bản, giấy tờ chính thức. Tuy nhiên, không có căn cứ lý giải một cách chặt chẽ và khoa học vì sao có cách viết này. Đồng thời, khi dùng dấu phẩy với quan điểm là phụ âm kép “dr” không có trong tiếng Việt quốc ngữ, thì cũng nên bảo đảm tính nhất quán của nguyên tắc này cho mọi địa danh có các phụ âm kép tương tự: “P’ró”, “B’lao”, “P’renn”, “P’leiku”, “K’rông Nô”, “M’D’răk”, v.v.
4. **Viết tùy ý:** Có nhiều dạng như “Đ’ran”, “Đrăn”, “Đ’răn”,... Bởi cơ bản, việc viết tên một địa danh như thế nào cũng khó ai quản được hết, bắt buộc được hết, cảm đoán được hết. Điều quan trọng nhất là, với cách viết mà mỗi người lựa chọn, làm sao để có thể lý giải được rõ ràng quy tắc, để có thể chia sẻ được dễ dàng và rộng rãi hơn trong cộng đồng, giảm thiểu sự dị biệt, bất nhất.

Dù tác giả đã rất thận trọng tra cứu, đối chiếu một cách tường tận và kỹ lưỡng nhất mọi nguồn thông tin có thể tiếp cận, bài viết vẫn có thể có những chỗ còn thiếu sót, chưa được hoàn toàn chính xác, đầy đủ. Cũng như là vẫn còn nhiều khoảng trống chưa rõ, có thể cần thêm nhiều tư liệu để xác minh và bổ túc về sau. Rất mong bạn đọc lượng thứ cho những sơ sót ngoài ý muốn ấy.

⁵² Hoàng Tuệ. (2006/12/05). Một số vấn đề về chuẩn mực hoá ngôn ngữ: Tiếp nhận từ của ngoại ngữ trong quá trình tiếp xúc ngôn ngữ. *Ngonngu.net*. <https://ngonngu.net/chuanmuchoa2/167>